

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE**
  - Mã chứng khoán: GMA
  - Trụ sở chính: Số 11 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
  - Điện thoại: (024) 37 956 373
  - Email: [gma@g-automobile.vn](mailto:gma@g-automobile.vn)
  - Website: <http://www.g-automobile.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần G-Automobile công bố báo cáo thường niên năm 2022.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/04/2023 tại đường dẫn: <https://www.g-automobile.vn>, mục Quan hệ cổ đông/Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**



G - AUTOMOBILE

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE**

# MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....	<b>4</b>
1. Thông tin khái quát.....	4
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	6
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	7
4. Định hướng phát triển.....	10
5. Các rủi ro.....	11
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022</b> .....	<b>14</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
2. Tổ chức và nhân sự.....	15
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	18
4. Tình hình tài chính.....	20
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	24
6. Báo cáo tác động đến môi trường và các hoạt động xã hội của công ty.....	26
<b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>27</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	27
2. Tình hình tài chính.....	27
3. Kế hoạch tăng trưởng, phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2023.....	30
4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	32
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.....	32
<b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>32</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	32
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	33
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	34
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>34</b>
1. Hội đồng quản trị.....	34
2. Ban Kiểm soát.....	40
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.....	44
4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.....	46 <i>K</i>


<b>VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>46</b>
1. Tác động lên môi trường .....	46
2. Tiêu thụ năng lượng .....	46
3. Tiêu thụ nước .....	47
4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	47
5. Chính sách liên quan đến người lao động .....	47
6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương .....	47
<b>VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>	<b>48</b>
1. Ý kiến Kiểm toán .....	48
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	48 <i>R</i>



## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

#### 1.1. Thông tin về Công ty

Tên Công ty	:	Công ty cổ phần G-Automobile
Tên giao dịch quốc tế	:	G-Automobile Joint Stock Company
Tên viết tắt	:	G-AUTOMOBILE.,JSC
Giấy CNĐKDN	:	0105558271
Vốn điều lệ	:	199.999.990.000 (Một trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn) đồng
Địa chỉ	:	Số 11 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	:	(024) 3795 6373
Website	:	<a href="http://www.g-automobile.vn">www.g-automobile.vn</a>
Logo	:	 G - AUTOMOBILE
Mã cổ phiếu	:	GMA
Sàn giao dịch	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

#### 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần G-Automobile (GMA) tiền thân là Công ty cổ phần Enteco Việt Nam, được thành lập ngày 10/10/2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105558271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ ban đầu là 2 tỷ đồng. Công ty hoạt động chính trong các lĩnh vực cho thuê máy móc thiết bị công trình; dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị công trình và hoạt động sản xuất sản phẩm thiết bị công trình phục vụ ngành thi công nền móng, xây dựng dân dụng. Các cổ đông sáng lập có công nghệ sản xuất ra thiết bị máy khoan cọc nhồi gầu xoay cho đường kính khoan lên tới 2500mm và chiều sâu khoan 130m. Thiết bị khoan được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam và các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Myanmar.

Trong năm 2011, công ty thực hiện mở xưởng sản xuất và sửa chữa, tăng cường thêm nhân sự làm dịch vụ với phương châm cung cấp dịch vụ tốt nhất, đảm bảo thiết bị cho thuê hoạt động liên tục trên các công trường. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện đầu tư các thiết bị phục vụ cho

hoạt động cho thuê, bao gồm các loại cầu xích, các loại xúc lật, máy khoan cọc nhồi, gầu đào tường vây.

Năm 2012, nhận thấy nhu cầu thị trường về các thiết bị cạp tường vây dùng đào tường hầm cho các khu chung cư cao tầng, đào hầm cho các nhà ga tàu điện ngầm, tường hầm cho các đường bộ giao thông ngầm có xu hướng gia tăng, lãnh đạo công ty nghiên cứu chế tạo và đưa ra thị trường sản phẩm gầu cạp tường vây loại Gale. Gầu có tính ổn định cao, đào tường phẳng, thẳng được thị trường chấp nhận.

Năm 2014, nhận thấy nhu cầu lớn của thị trường về thiết bị đào tường và các loại máy cầu xích cỡ lớn phục vụ hạ lồng thép tường vây, doanh nghiệp đã đầu tư hàng loạt các thiết bị cầu xích cỡ lớn từ 65 tấn tới 150 tấn, chiếm lĩnh gần như toàn bộ thị trường cung cấp thiết bị đào tường của ngành nền móng Phía Bắc.

Năm 2016, với việc nước Anh chuẩn bị rời khỏi EU khiến đồng Bảng Anh suy giảm đáng kể so với ngoại tệ khác và so với đồng tiền Việt. Doanh nghiệp đã thu mua gần như toàn bộ thiết bị của Công ty AGD, một công ty cung cấp thiết bị cho thuê lớn của Anh Quốc. Cũng trong năm 2016 đánh dấu việc công ty cung cấp dịch vụ tại thị trường TP Hồ Chí Minh. Vì công ty là đối tác lâu năm của Công ty TNHH XDTM Lâm Tuấn Nghĩa, có trụ sở tại TP Hồ Chí Minh và nhà máy tại Đường Số 3, Khu CN Biên Hòa 1, Tỉnh Đồng Nai nên việc tiếp cận và cung cấp dịch vụ tại thị trường này có sự phát triển rất tốt.

Năm 2019, công ty phát triển mảng cung cấp nhân lực, nhân sự cùng thiết bị cho các công trình thi công nền móng. Tiền thân cho sự phát triển mảng thi công các công trình dân dụng và công nghiệp.

Ngày 23/06/2020, Công ty đã chính thức trở thành Công ty đại chúng theo công văn số 4048/UBCK-GSDC ngày 23/6/2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Ngày 19/08/2020, Công ty được Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2020/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là GMA.

Ngày 27/10/2020, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sàn giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội theo Quyết định số 588/QĐ-SGDHN.

Năm 2022, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 199,99 tỷ đồng, đồng thời kiện toàn bộ máy quản lý, điều hành công ty. Theo đó, Công ty định hướng chuyển đổi hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động đầu tư sang mảng ô tô bao gồm đại lý ô tô, dịch vụ ô tô, công nghệ liên quan đến ô tô. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua kế hoạch kinh doanh mới trên cơ sở chuyển đổi chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty cho các năm tiếp theo. Công ty thực hiện đổi tên từ Công ty cổ phần Enteco Việt Nam thành tên Công ty cổ phần G-Automobile, ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới với một hình ảnh chuyên nghiệp và hiện đại hơn.



Năm 2022 là năm Công ty thay đổi mô hình hoạt động sang công ty mẹ bằng việc tăng tỉ lệ sở hữu/nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại một số công ty liên kết hoặc công ty mục tiêu có lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với chiến lược đầu tư và chỉ đạo của Ban điều hành Công ty.

Quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

**Bảng 1: Quá trình tăng vốn Điều lệ của Công ty**

*Đơn vị: 1.000 đồng*

Thời gian	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn thực góp	Phần vốn điều lệ tăng thêm	Phương thức tăng vốn
Khi thành lập (10/10/2011)	2.000.000	2.000.000		Góp vốn ban đầu
Lần 1: 04/06/2013	2.000.000	5.000.000	3.000.000	Phát hành cho cổ đồng hiện hữu
Lần 2: 11/09/2012	5.000.000	15.000.000	10.000.000	Phát hành cho cổ đồng hiện hữu
Lần 3: 14/12/2018	15.000.000	60.000.000	45.000.000	Phát hành cho cổ đồng hiện hữu
Lần 4: 01/08/2022	60.000.000	71.999.990	1.999.990	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
Lần 5: 05/09/2022	71.999.990	199.999.990	128.000.000	Chào bán riêng lẻ

*Nguồn: GMA*

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
2.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
3.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
4.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
5.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662

STT	Tên ngành	Mã ngành
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
8.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
9.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
10.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
11.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
14.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
15.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
16.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá	4513 (Chính)
17.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Trừ đấu giá	4530
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
20.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
21.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Cho thuê xe có động cơ Trừ đấu giá	7710
24.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: (trừ máy bay, khinh khí cầu)	7730
25.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
26.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
27.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

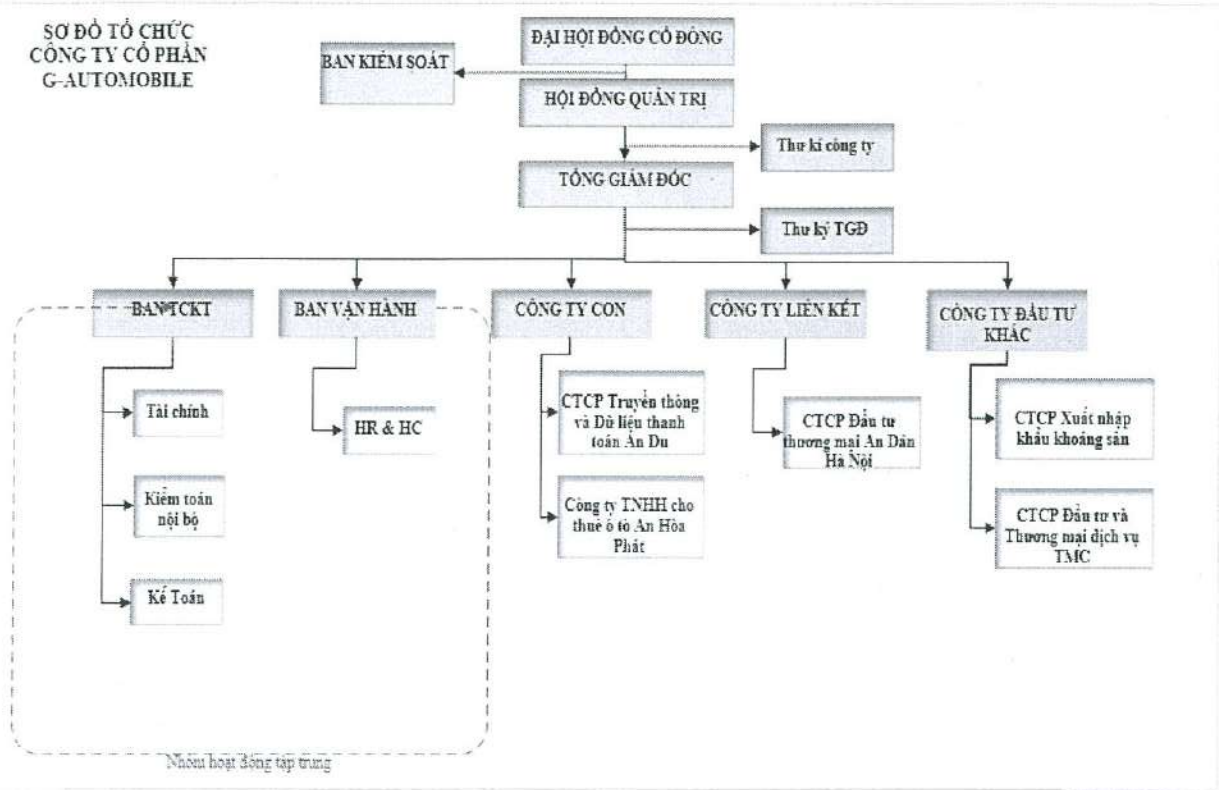
Công ty định hướng phát triển hoạt động kinh doanh trên cả nước nhưng chủ yếu hoạt động tại thành phố Hà Nội và đặt địa điểm kinh doanh tại trụ sở chính là 11 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1. Mô hình quản trị công ty

Công ty tổ chức mô hình quản trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc *R*

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

**Đại hội đồng cổ đông:** bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

**Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

**Ban Kiểm soát:** là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành Công ty. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Hiện nay, Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên đáp ứng các điều kiện về tiêu chuẩn và điều kiện của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Tổng Giám đốc:** là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

Các phòng ban của Công ty bao gồm:

- Ban Tài chính Kế toán: gồm bộ phận Tài chính, bộ phận Kiểm toán nội bộ và bộ phận Kế toán.



- Ban Vận hành: gồm bộ phận Hành chính và Nhân sự.

Các công ty con: Công ty hiện nay có 02 công ty con là Công ty TNHH Cho thuê Ô tô An Hòa Phát và Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du.

Các công ty liên kết: Công ty hiện có 01 công ty liên kết là Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội.

Các công ty đầu tư khác: Công ty hiện đầu tư vào 02 đơn vị là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản và Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Dịch vụ TMC.

### 3.3. Các công ty con, công ty liên kết

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của GMA trên vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2022	Tỷ lệ sở hữu của GMA trên vốn điều lệ thực góp
<b>Công ty con</b>							
1	Công ty TNHH Cho thuê Ô tô An Hòa Phát	11 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Cho thuê ngắn hạn, dài hạn, quản lý đội xe trong lĩnh vực vận tải	30	90%	30	90%
2	Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	11 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Kinh doanh bán xe mới và xe đã qua sử dụng, bán phụ tùng và phụ kiện chính hãng Mercedes Benz. Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô	200	55%	200	55%

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của GMA trên vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 31/12/2022	Tỷ lệ sở hữu của GMA trên vốn điều lệ thực góp
			và xe có động cơ				
<b>Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết</b>							
1	Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	01 Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Hà Nội	Mua bán ô tô và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô	40	30,875%	40	30,875%

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán của GMA)

#### 4. Định hướng phát triển

##### 4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư vào Công ty, hoàn thành các nhiệm vụ đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tối đa hoá hiệu quả đầu tư chung của Công ty.
- Hướng tới một doanh nghiệp hàng đầu trong hoạt động kinh doanh xe hơi và cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp trong lĩnh vực vận tải.

##### 4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tái cấu trúc Công ty chuyển dịch dần sang lĩnh vực kinh doanh ô tô.
- Nghiên cứu và triển khai các dự án liên quan đến lĩnh vực bất động sản.
- Nghiên cứu và triển khai các dự án kinh doanh xe cũ và các dịch vụ xử lý xe đã thanh lý, xe không còn sử dụng.
- Tiếp tục tìm kiếm và thương thảo đầu tư với các công ty trong phân khúc kinh doanh xe hơi và cung cấp dịch vụ liên quan đến xe hơi nhằm mở rộng các thành viên trong hệ sinh thái GMA.

##### 4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Tối đa hóa quyền lợi của cổ đông đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty. Đảm bảo cân bằng lợi ích của các bên liên quan khác: khách hàng, cán bộ, nhân viên, đối tác

- Hoạt động vì mục tiêu phát triển chung của toàn xã hội, gắn sự phát triển của Công ty với địa phương và địa bàn hoạt động. Tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho xã hội, quan tâm đến đời sống của người lao động.
- Tích cực đóng góp cho Ngân sách nhà nước thông qua việc nộp đầy đủ nghĩa vụ thuế, tiến hành kê khai và nộp đủ, kịp thời các loại thuế, phí theo quy định.

## 5. Các rủi ro

### 5.1. Rủi ro về kinh tế

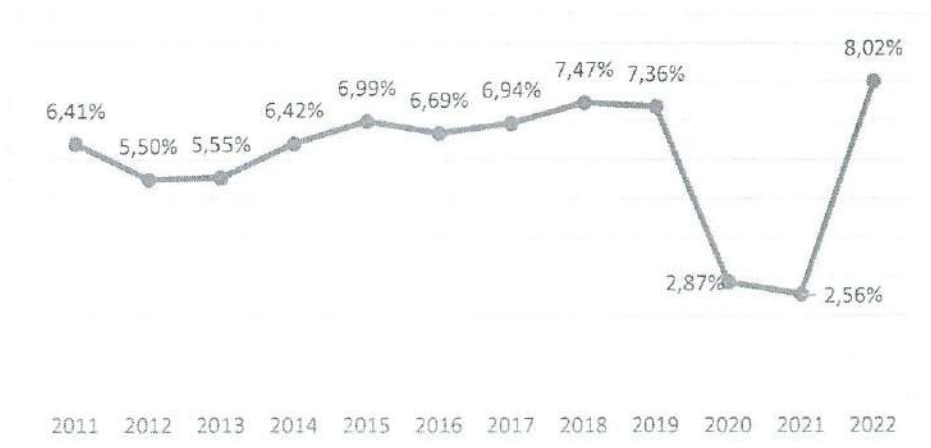
Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng tạo nên môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Vì vậy, sự thay đổi của nền kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với biến động của các yếu tố vĩ mô.

Trong năm 2022, sau khi dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, nền kinh tế thế giới cũng như Việt Nam bắt đầu hồi phục mạnh mẽ trở lại, tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp tiếp tục phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2022 của Việt Nam lần đầu tiên vượt 400 tỷ USD. Theo Tổng cục thống kê, GDP bình quân đầu người năm 2022 ước đạt 95,6 triệu đồng/người, tương đương 4.110 USD, tăng 393 USD so với năm 2021. Đặc biệt, GDP năm 2022 của Việt Nam ghi nhận mức tăng cao nhất trong vòng 12 năm qua với mức tăng 8,02% so với năm trước.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Chính phủ đã và đang triển khai nhiều chính sách tài khóa – tiền tệ phù hợp, hỗ trợ tối đa quá trình phục hồi kinh tế - xã hội sau dịch bệnh.

**Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2011 - 2022**



*Nguồn: Tổng cục Thống kê*

Việt Nam đã tăng trưởng tốt hậu đại dịch Covid-19 bất chấp những bất ổn về chính trị thế giới và lạm phát tăng cao, nhờ đó thu hút được đầu tư và sản xuất từ nước ngoài vào Việt Nam. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam năm 2023 lại được đánh giá sẽ gặp nhiều thách thức bởi lạm phát và dự báo suy thoái toàn cầu trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam có độ mở với thế giới rất lớn. Vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty cần nghiên cứu cũng như bám sát môi trường kinh tế vĩ mô để đưa

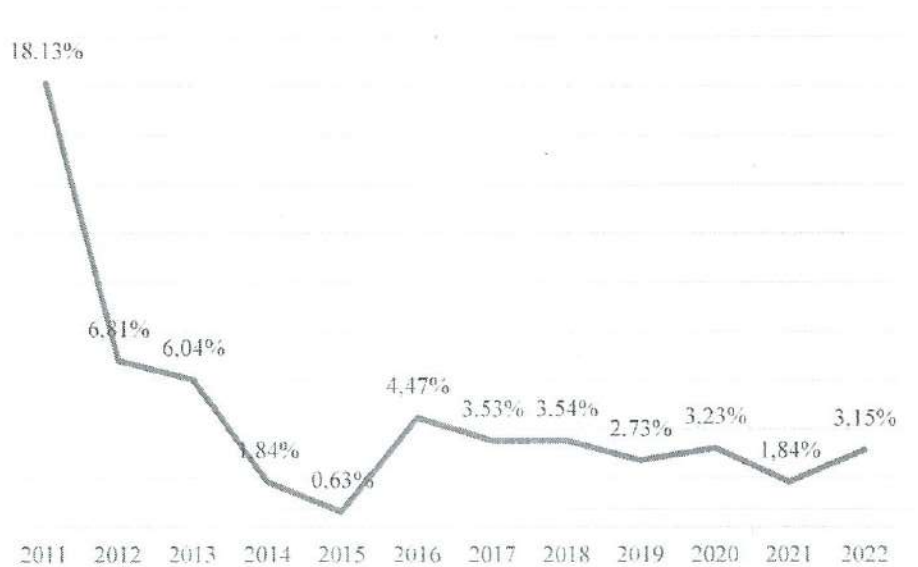


ra các quyết sách và chiến lược phù hợp với xu hướng trong tương lai và những tác động kinh doanh trọng yếu.

## 5.2. *Rủi ro lạm phát*

Bên cạnh tăng trưởng GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào cũng như chi phí chung của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp.

**Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2011 – 2022**



Năm 2022 và dự báo cả năm 2023 là năm mà nền kinh tế thế giới chứng kiến tỷ lệ lạm phát cao chưa từng có do giá năng lượng tăng cao và các bất ổn chính trị trên toàn cầu. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam đã kiểm chế tỷ lệ lạm phát dưới 4%; thể hiện sự quyết tâm cao độ của Chính phủ trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, điều hành giá cả đồng thời thúc đẩy nền kinh tế hậu đại dịch.

Lạm phát cao trên thế giới dẫn đến đồng Đô la Mỹ và các ngoại tệ mạnh khác tăng giá do chính phủ các nước tăng lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát. Điều này đã đẩy lãi suất tại thị trường Việt Nam lên rất cao nhằm duy trì tỷ giá hối đoái giữa VND và USD. Hệ quả là chi phí vốn vay của các doanh nghiệp tăng mạnh đồng thời đòi hỏi hiệu quả từ kinh doanh ngày càng cao để bù đắp chi phí vốn vay.

Do tác động của lạm phát đến chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lạm phát luôn là chỉ số vĩ mô mà Công ty quan tâm và theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của mình.

## 5.3. *Rủi ro về lãi suất*

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó. *e*

Trong năm 2022, lãi suất cho vay tăng cao do lạm phát ảnh hưởng tiêu cực đến việc thanh toán của khoản vay và cản trở việc tiếp cận các khoản vay mới của các doanh nghiệp. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến hết năm 2022, lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng thương mại đã vượt ngưỡng 10%/năm. Đây được đánh giá là mức lãi suất rất cao trong một vài năm trở lại đây.

Hiện nay, GMA sử dụng vốn vay từ chiếm tỉ lệ nhỏ trên tổng tài sản và vốn chủ sở hữu nên những biến động lãi suất ảnh hưởng chưa lớn hoạt động kinh doanh của Công ty.

#### **5.4. Rủi ro về pháp luật**

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp... Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình sửa đổi, bổ sung để đồng bộ với sự thay đổi của Luật Dân sự và Luật Hình sự. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh và giao dịch cổ phiếu của Công ty. Đặc biệt, các quy định liên quan đến quản trị Công ty đại chúng và công tác công bố thông tin đều được cập nhật và thay đổi liên tục.

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty có bộ phận pháp lý thường xuyên theo dõi, dự báo, cập nhật các thay đổi của pháp luật và ảnh hưởng đối với các dự án kinh doanh của Công ty. Liên tục đào tạo, bồi dưỡng nhân sự nắm vững chuyên môn pháp lý, bên cạnh đó Công ty đã sử dụng các dịch vụ tư vấn pháp luật nhằm đảm bảo chuẩn bị các thủ tục pháp lý dự án đầu tư cũng như quản trị doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

#### **5.5. Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh**

Rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro bất khả kháng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn của người lao động cũng như những tổn thất đối với tài sản doanh nghiệp. Qua 2 năm dịch bệnh Covid 2020 và 2021 bùng phát và kéo dài, GMA đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm đối phó với dịch bệnh và luôn có kế hoạch chủ động ứng phó với các thách thức này. Công ty luôn đề ra những giải pháp nhanh chóng và hiệu quả để giảm thiểu rủi ro đến mức thấp nhất như nâng cao ý thức người lao động trong công tác an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên.

#### **5.6. Quản trị rủi ro**

Chính sách quản lý rủi ro được xây dựng trong đó xác định phương pháp tiếp cận đối với rủi ro và quản lý rủi ro. Đồng thời chính sách quản lý rủi ro cũng nêu rõ trách nhiệm trong việc quản lý rủi ro trong toàn bộ doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm xác định định hướng chiến lược và cơ cấu cho chức năng quản lý rủi ro nhằm đảm bảo hoạt động hiệu quả nhất cho Công ty

Các bộ phận chức năng trong doanh nghiệp có trách nhiệm trước hết trong việc quản lý rủi ro hàng ngày, gắn kết việc nhận thức và tuyên truyền về quản lý rủi ro trong bộ phận mình công tác. Công ty chú trọng công tác kiểm toán/kiểm soát nội bộ để đảm bảo rằng công tác quản lý rủi ro được thực thi có hiệu quả thông qua việc đánh giá theo chương trình, kế hoạch đã được đề ra.



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### a. Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022 theo BCTC riêng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022		
			Giá trị	Giá trị	Tăng(+), giảm (-) so với năm trước
Tổng tài sản	Triệu đồng	109.678	297.461	187.782	171,21
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	78.452	287.216	208.764	266,10
Doanh thu thuần	Triệu đồng	103.207	36.629	-66.578	-64,51
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.426	4.320	-1.106	-20,39

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã kiểm toán của GMA)

Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2022 theo BCTC hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022		
			Giá trị	Giá trị	Tăng(+), giảm (-) so với năm trước
Tổng tài sản	Triệu đồng	109.678	1.573.101	1.463.422	1.334,28
Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	78.452	462.539	384.087	489,58
Doanh thu thuần	Triệu đồng	103.207	1.863.152	1.759.944	1.705,25
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.426	26.660	21.233	391,32
EPS	Triệu đồng	754	2.110	1.356	179,84

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán của GMA)

#### b. Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

STT	Khoản mục	Kế hoạch năm 2022 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (Triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022	200.000	199.999	100

STT	Khoản mục	Kế hoạch năm 2022 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (Triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.094.000	1.863.152	60,22
3	Lợi nhuận sau thuế	30.420	26.660	87,64

Kết thúc năm 2022, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của cả công ty mẹ và công ty con chỉ đạt được 60% kế hoạch đặt ra, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế có tỉ lệ hoàn thành cao hơn là 87%. Đây cũng là nỗ lực đáng ghi nhận của toàn thể cán bộ nhân viên của công ty trong một năm có sự biến động lớn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### 2.1. Danh sách Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty bao gồm 02 thành viên, gồm 01 Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng, thực hiện các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Danh sách Ban Điều hành của Công ty như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng

#### a. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Tổng Giám đốc

Họ và tên:	<b>Nguyễn Thị Thanh Thủy</b>
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay:	Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát</li> <li>- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại An Đô</li> </ul>
Quá trình công tác:	
Từ 2001 - 2004	Nhân viên kinh doanh công ty TNHH Thương mại Mỹ Việt.

Từ 2005 - 2012	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ, Trưởng phòng Hành chính Nhân sự, Trưởng phòng Marketing Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du
Tháng 01/2013 đến 01/2015	Trưởng phòng Nhân sự - Phó Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần Tập đoàn Dược phẩm Thương mại Sohaco
Tháng 02/2015 đến 11/2015	Trưởng phòng thanh tra Kiểm soát chất lượng Công ty cổ phần Vincome Retail
Tháng 12/2015 đến 09/2018	Giám đốc quản trị hệ thống Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du
Tháng 10/2018 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH cho thuê ô tô An Hòa Phát
Tháng 11/2020 đến 06/2021	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần XNK Khoáng sản
Tháng 10/2021 đến 04/2022	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Enteco Việt Nam
Tháng 04/2022 đến nay	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần G-Automobile
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 350.400 cổ phiếu (4,87% vốn điều lệ) - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không

**b. Bà Nguyễn Thị Hương**

Họ và tên:	<b>Nguyễn Thị Hương</b>
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Kế toán
Chức vụ hiện nay:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Không có
Quá trình công tác:	

*re*



Tháng 12/2020 đến 07/2022	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản
Tháng 08/2022 đến nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần G-Automobile
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không

## 2.2. Những thay đổi trong Ban Điều hành

TT	Thành viên Ban Điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Điều hành	
				Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/05/1979	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	20/04/2022	
2	Ông Nguyễn Trần Minh Quân	12/01/1996	Thạc sĩ Quản trị quốc tế	05/10/2021	20/04/2022

Trong năm 2022, Ông Nguyễn Trần Minh Quân không giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 20/4/2022. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy là thành viên Hội đồng quản trị thay thế Ông Quân đảm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 20/04/2022.

## 2.3. Cơ cấu nhân sự

Tại thời điểm 31/12/2022, tổng số lao động là 16 người (không tính tại các Công ty con)

STT	Phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Phân theo giới tính</b>		
1.1	Nam	4	25
1.2	Nữ	12	75
<b>2</b>	<b>Phân theo hợp đồng lao động</b>		
2.1	Hợp đồng mùa vụ (dưới 3 tháng)		

STT	Phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
2.2	Hợp đồng từ 3 – 12 tháng	5	31,3
2.3	Hợp đồng từ 1 - 3 năm	9	56,3
2.4	Hợp đồng vô thời hạn	2	12,5
<b>3</b>	<b>Phân theo trình độ lao động</b>		
3.1	Trình độ Đại học và trên Đại học	14	87,5
3.2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	2	12,5
3.3	Trình độ phổ thông	-	-

(Nguồn: GMA)

### ***Chính sách đối với người lao động***

Để đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách với người lao động, khuyến khích động viên người lao động hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao đóng góp giá trị vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Bên cạnh những chính sách quan trọng trong việc xây dựng văn hóa mạnh nhằm mang lại cho người lao động một tinh thần tích cực và môi trường làm việc chuyên nghiệp, GMA xây dựng quy chế lương thưởng hấp dẫn mang tính cạnh tranh đảm bảo các yếu tố theo chính sách, pháp luật hiện hành của Nhà nước và mục tiêu thu hút nhân tài:

- Phù hợp với quy định của pháp luật về lương thưởng và các chế độ cho người lao động;
- Phù hợp với giá trị đóng góp của người lao động cho doanh nghiệp;
- Khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty;
- Thu hút nguồn lao động chất lượng cao, nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Tạo nhiều cơ hội thăng tiến cho người lao động để xây dựng mối quan hệ hai bên cùng hưởng lợi giữa Công ty và người lao động; nâng cao vai trò người lao động, tạo giá trị lõi cuốn nghề nghiệp, cùng tin tưởng và cam kết hành động vì sự phát triển bền vững của Công ty;
- Đảm bảo công bằng về mặt nội bộ và cạnh tranh so với thị trường lao động nhằm thu hút, động viên và giữ những cán bộ nhân viên có năng lực thực sự và gắn bó lâu dài với Công ty.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### ***3.1. Các khoản đầu tư trong năm 2022***

Trong năm, Công ty chủ yếu tập trung vào các khoản đầu tư lớn như sau:

- Nhận chuyển nhượng vốn cổ phần của Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du (An Du) vào tháng 8/2022. An Du là nhà phân phối ủy quyền đầu tiên của Mercedes-Benz Việt Nam tại Miền Bắc, thường được biết đến là Mercedes-Benz An Du, là đơn vị luôn đi đầu trong lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ sửa chữa xe Mercedes-Benz. Tháng 12/2020, Công ty đã



mua 4,1% trên tổng vốn điều lệ là 200 tỷ của An Du. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2022, trên cơ sở các Hợp đồng nguyên tắc đã ký với các cổ đông có nhu cầu chuyển nhượng, Công ty đã đàm phán thành công để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại An Du từ 4,1% lên 55% vốn điều lệ. Khoản đầu tư để mua 50,9% vốn điều lệ của An Du là 183.240.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba tỉ, hai trăm bốn mươi triệu đồng), tương ứng 1.018.000 cổ phần.

- Đầu tư vốn vào Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát (Avis Việt Nam) vào tháng 11/2022. Avis Việt Nam là đơn vị cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô chuyên nghiệp và mang tính toàn cầu, nằm trong hệ sinh thái của Avis toàn cầu – thương hiệu cho thuê xe ô tô số 1 thế giới có mặt trên 175 quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty đã thực hiện đầu tư mua 90% vốn điều lệ của Avis Việt Nam từ một trong các thành viên góp vốn của Avis Việt Nam. Khoản đầu tư để sở hữu 90% vốn điều lệ của Avis Việt Nam là 27.000.000.000 đồng (Hai mươi bảy tỉ đồng).


Kết thúc năm 2022, GMA đã có 02 công ty con, là bước đệm để Công ty thực hiện các kế hoạch trong tương lai gần là xây dựng GMA theo mô hình công ty holding, sở hữu hệ sinh thái các công ty con và công ty liên kết có cùng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ liên quan đến xe ô tô và vận tải.

### 3.2. Tình hình hoạt động của các Công ty

Tính đến ngày 31/12/2022, Công ty có 02 Công ty con là Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du và Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát. Tình hình hoạt động của các Công ty con trong năm 2022 như sau:

#### *Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du*

Chỉ tiêu	Đơn vị (triệu đồng)
Tổng giá trị tài sản	1.174.238
Vốn chủ sở hữu	272.613
Doanh thu thuần	4.609.422
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	89.865
Lợi nhuận khác	-534
Lợi nhuận trước thuế	89.331
Lợi nhuận sau thuế	70.468

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của CTCP Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du) 

**Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị (triệu đồng)</b>
Tổng giá trị tài sản	215.970
Vốn chủ sở hữu	34.394
Doanh thu thuần	167.509
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16.356
Lợi nhuận khác	3.559
Lợi nhuận trước thuế	19.915
Lợi nhuận sau thuế	16.033

*(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát)*

**4. Tình hình tài chính**

**4.1. Tình hình tài chính**

Tình hình tài chính của Công ty theo BCTC riêng:

*Đơn vị: triệu đồng*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Tăng(+), giảm (-)</b>	<b>Tăng/giảm của năm 2022 so với năm 2021 (%)</b>
Tổng giá trị tài sản	109.678	297.461	187.782	171,21
Doanh thu thuần	103.207	36.629	-66.578	-64,51
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5.677	4.858	-819	-14,43
Lợi nhuận khác	637	-61	-698	-109,56
Lợi nhuận trước thuế	6.315	4.797	-1.517	-24,03
Lợi nhuận sau thuế	5.426	4.320	-1.106	-20,39
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	65*			

*(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của GMA)*

\*: Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) năm 2021: Công ty thực hiện việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, trích từ lợi nhuận sau thuế qua các năm để lại chốt đến 31/12/2021. Lợi nhuận lũy kế chốt đến 31/12/2021: 18.452.063.870 đồng. Lợi nhuận dùng chi trả cổ tức: 11.999.990.000 đồng

Tình hình tài chính của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng(+), giảm (-)	Tăng/giảm của năm 2022 so với năm 2021 (%)
Tổng giá trị tài sản	109.678	1.573.101	1.463.422	1334,28
Doanh thu thuần	103.207	1.863.152	1.759.944	1705,25
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5.677	21.910	16.232	285,92
Lợi nhuận khác	637	7.533	6.896	1081,72
Lợi nhuận trước thuế	6.315	29.443	23.128	366,25
Lợi nhuận sau thuế	5.426	26.660	21.233	391,32
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của GMA)

**Lưu ý:** Năm 2022 là năm đầu tiên GMA lập báo cáo tài chính hợp nhất do các năm trước Công ty không có Công ty con. Số liệu năm 2021 trên báo cáo kết quả kinh doanh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng công ty mẹ- Công ty cổ phần G-Automobile, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Các chỉ tiêu trên báo cáo hợp nhất tăng là do Công ty mở rộng quy mô đầu tư.

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

##### Các chỉ tiêu tài chính của Công ty theo BCTC riêng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	3,6	1,7
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	3,3	1,6
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
– Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	0,3	0,03
– Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,4	0,04
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
– Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	22	25
– Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	vòng	0,7	0,2
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	5,3	11,8
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,9	1,5
– Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	4,9	1,5
– Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6	13

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của GMA)



**Các chỉ tiêu tài chính của Công ty theo BCTC hợp nhất**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	-	1,0
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	-	0,6
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
- Tổng nợ/Tổng tài sản	Lần	-	0,7
- Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	-	2,4
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	vòng	-	4,4
- Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	vòng	-	1,2
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	-	1,4
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-	5,8
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	-	1,7
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-	1,2

*(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của GMA)*

**Lưu ý:** Năm 2022 là năm đầu tiên GMA lập báo cáo tài chính hợp nhất do các năm trước Công ty không có Công ty con. Các chỉ tiêu tài chính liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất chỉ tính được từ năm 2022. *x*



## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 19.999.999 (Mười chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín) cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 19.999.999 (Mười chín triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín) cổ phần.
- Cổ phần chuyên nhượng tự do: 5.999.699 (Năm triệu chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi chín) cổ phần.
- Cổ phần hạn chế chuyên nhượng: 14.000.300 (Mười bốn triệu ba trăm) cổ phần.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

### 5.2. Cơ cấu cổ đông

#### a. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 20/03/2023 (ngày chốt danh sách cổ đông gần nhất)

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	5	8.649.000	43,25
	- Trong nước	5	8.649.000	43,25
	- Nước ngoài	0	0	0
4	Công đoàn Công ty	0	0	0
	- Trong nước	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
7	Cổ đông khác	134	11.350.999	56,72
	- Trong nước	134	11.350.999	56,72
	- Nước ngoài	0	0	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>139</b>	<b>19.999.999</b>	<b>100</b>
<i>Trong nước</i>		<b>139</b>	<b>19.999.999</b>	<b>100</b>
<i>Nước ngoài</i>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**b. Cơ cấu sở hữu cổ phần tại thời điểm 20/03/2023**

STT	Nhóm cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng sở hữu (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu $\geq 5\%$ cổ phần	5	8.649.000	43,25
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phần	134	11.350.999	56,72
<b>Tổng cộng</b>		<b>139</b>	<b>19.999.999</b>	<b>100</b>

**c. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa**

Theo công văn số 1378/UBCK-PTTT ngày 21/03/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của GMA theo quy định của pháp luật là 50%.

**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2022**

Đơn vị: 1.000 VNĐ

Thời gian	Giá trị vốn tăng	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận
Khi thành lập (10/10/2011)	2.000.000	2.000.000	Góp vốn ban đầu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

Thời gian	Giá trị vốn tăng	Vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận
Lần 1: 04/06/2013	2.000.000	5.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
Lần 2: 11/09/2012	5.000.000	15.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
Lần 3: 14/12/2018	15.000.000	60.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
Lần 4: 01/08/2022	60.000.000	71.999.990	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội
Lần 5: 05/09/2022	71.999.990	199.999.990	Chào bán riêng lẻ	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội

#### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty không có cổ phiếu quỹ.

Trong năm 2022, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ.

#### 5.5. Các chứng khoán khác

Không có

### 6. Báo cáo tác động đến môi trường và các hoạt động xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2022:

+/ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

+/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2022, Công ty luôn chăm lo đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt



tập thể nhằm gắn kết Người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty còn quan tâm tới các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa với mong muốn đóng góp vì một cuộc sống chất lượng hơn - hạnh phúc hơn.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022 là năm nền kinh tế Việt Nam bắt đầu hồi phục trở lại sau khi bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid 19. Tuy nhiên, sự hồi phục của nền kinh tế lại bị thách thức bởi tình trạng bất ổn chính trị trên toàn thế giới, sự leo thang của giá cả và sự khó khăn của thị trường tài chính trong nước. Mặc dù phải chịu sự ảnh hưởng từ những khó khăn chung nhưng kết quả đạt được đã thể hiện nỗ lực và sự quyết tâm rất lớn của ban điều hành và toàn thể công ty.

STT	Khoản mục	Kế hoạch năm 2022 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (Triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022	200.000	199.999	100
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.094.000	1.863.152	60,22
3	Lợi nhuận sau thuế	30.420	26.660	87,64

#### 2. Tình hình tài chính

##### 2.1. Tình hình tài sản

Tình hình tài sản của Công ty theo BCTC riêng:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	01/01/2022	31/12/2022
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	117	157
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	22.290	16.059
4	Hàng tồn kho	1.710	768
5	Tài sản ngắn hạn khác	6	9
6	Các khoản phải thu dài hạn	0	0

STT	Tài sản	01/01/2022	31/12/2022
7	Tài sản cố định	0	0
8	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	85.340	280.457
9	Tài sản dài hạn khác	214	10

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của GMA)

Tình hình tài sản của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tài sản	01/01/2022	31/12/2022
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	117	57.698
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	22.290	488.095
4	Hàng tồn kho	1.710	395.665
5	Tài sản ngắn hạn khác	6	32.808
6	Các khoản phải thu dài hạn	0	720
7	Tài sản cố định	0	472.469
8	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	85.340	65.672
9	Tài sản dài hạn khác	214	52.082

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của GMA)

**Lưu ý:** Năm 2022 là năm đầu tiên GMA lập báo cáo tài chính hợp nhất do các năm trước Công ty không có Công ty con. Số liệu năm 2021 trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng công ty mẹ- Công ty cổ phần G-Automobile, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Các chỉ tiêu trên báo cáo hợp nhất tăng là do Công ty mở rộng quy mô đầu tư.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả

Tình hình nợ phải trả của Công ty theo BCTC riêng:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022
I	Nợ ngắn hạn	6.755	10.245

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022
1	Phải trả người bán ngắn hạn	2.129	0
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.989	0
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.027	536
4	Phải trả người lao động	1.314	635
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	279	3.731
6	Phải trả ngắn hạn khác	17	4
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	5.339
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>24.472</b>	<b>0</b>
1	Phải trả dài hạn khác	1.362	0
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.110	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>31.226</b>	<b>10.245</b>

(Nguồn: BCTC riêng năm 2022 được kiểm toán của GMA)

Tình hình nợ phải trả của Công ty theo BCTC hợp nhất:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>6.755</b>	<b>960.354</b>
1	Phải trả người bán ngắn hạn	2.129	40.218
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.989	117.501
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.027	23.675
4	Phải trả người lao động	1.314	50.332
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	279	22.864



STT	Chỉ tiêu	01/01/2022	31/12/2022
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	0	43
7	Phải trả ngắn hạn khác	17	5.169
8	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	699.883
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	668
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>24.472</b>	<b>150.208</b>
1	Chi phí phải trả dài hạn	1.362	0
2	Phải trả dài hạn khác	0	6.975
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23.110	125.583
4	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	0	17.460
5	Dự phòng phải trả dài hạn	0	191
	<b>Tổng cộng</b>	<b>31.226</b>	<b>1.110.562</b>

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán của GMA)

**Lưu ý:** Năm 2022 là năm đầu tiên GMA lập báo cáo tài chính hợp nhất do các năm trước Công ty không có Công ty con. Số liệu năm 2021 trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng công ty mẹ- Công ty cổ phần G-Automobile, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Các chỉ tiêu trên báo cáo hợp nhất tăng là do Công ty mở rộng quy mô đầu tư.

### 3. Kế hoạch tăng trưởng, phát triển sản xuất kinh doanh trong năm 2023

Trên cơ sở những kết quả đạt được của năm 2022, trước tình hình dự báo đầy biến động của nền kinh tế Việt Nam và thế giới, cùng với năng lực con người, thương hiệu, uy tín của Công ty, Ban lãnh đạo của GMA xây dựng kế hoạch năm 2023 với những mục tiêu cụ thể như sau:

Căn cứ theo Nghị quyết số 05/2023/NQ/HĐQT-GMA ngày 24/03/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

- Doanh thu hợp nhất: 3.594.745 triệu đồng
- Lợi nhuận hợp nhất sau thuế: 39.396 triệu đồng

Năm 2023 là năm đầu tiên cho kế hoạch tái cấu trúc Công ty khi chuyển dịch sang lĩnh vực hoạt động kinh doanh ô tô. Kế hoạch kinh doanh trên được xây dựng cho Công ty khi đã có 02 công ty con đang hoạt động trong lĩnh vực ô tô là An Du và An Hòa Phát, ngoài ra đối với Công ty mẹ sẽ có phương án tuyển dụng nhân sự để nghiên cứu thị trường, lập dự án đầu tư tiên khả thi và khả năng triển khai các dự án về xe cũ bao gồm việc lập nên Chợ/App/Web về mua bán và chuyển nhượng xe cũ kèm các dịch vụ xử lý xe đã thanh lý, xe không còn sử dụng nhằm mở rộng

hệ sinh thái hoạt động trong lĩnh vực ô tô. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tìm kiếm và thương thảo đầu tư (liên kết hoặc công ty con) với các công ty trong phân khúc kinh doanh xe hơi và cung cấp dịch vụ liên quan đến xe hơi nhằm mở rộng các thành viên trong hệ sinh thái GMA. Kế hoạch trên có sự tham gia của kế hoạch kinh doanh của các công ty con hiện tại của GMA đang nắm cổ phần kiểm soát/chi phối.

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra và tiếp tục triển khai định hướng đầu tư của Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

### **3.1 Giải pháp về quản trị**

- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình, quy định.
- Tăng cường trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh.
- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả trong hệ thống hoạt động thường xuyên của Công ty.

### **3.2 Giải pháp về kinh doanh**

- Tiếp tục phát triển hoạt động đầu tư và đầu tư tài chính vào các công ty, tìm kiếm các đối tác phù hợp để đầu tư vào lĩnh vực ô tô.
- Nghiên cứu mô hình kinh doanh xe đã qua sử dụng và xem xét nghiên cứu hoạt động kinh doanh xử lý các xe ô tô phế thải.

### **3.3 Giải pháp về bộ máy tổ chức và nhân sự**

- Ổn định bộ máy tổ chức và tiếp tục rà soát sắp xếp, thanh lọc nhân sự đảm bảo có nhân sự phù hợp, hiệu quả.
- Duy trì đội ngũ nhân sự hiện tại và bổ sung thêm nhân sự nghiên cứu phục vụ cho các dự án kinh doanh mới.
- Thực hiện định kỳ đánh giá KPI để động viên, khen thưởng hoặc nhắc nhở kịp thời. Sử dụng KPI như một công cụ quan trọng trong công tác quản lý.
- Đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo. Tiếp nhận tuyển dụng những nhân viên trẻ có trình độ vào các vị trí phù hợp và với mức đãi ngộ thỏa đáng. Cử những cán bộ nguồn có trình độ năng lực nằm trong quy hoạch phát triển để tham gia vào các lớp đào tạo về quản trị bậc cao nhằm tạo nguồn nhân lực kế cận dài hạn cho Công ty.

### **3.4 Giải pháp về tài chính - vốn**

- Xây dựng hạn mức tín dụng tại một số ngân hàng lớn với mức lãi suất hấp dẫn.
- Cân đối kế hoạch thanh toán phù hợp cho nhà cung cấp và thuận lợi cho công ty để có thể “sử dụng” tạm thời hợp lý một phần vốn.
- Đẩy nhanh tiến độ thu hồi khoản phải thu.
- Quản lý khoa học, tiết kiệm tối đa với khoản phải chi. ✓



#### 4. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình. (Tại Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, ý kiến của kiểm toán là chấp thuận toàn phần)

#### 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

##### 5.1. Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2022:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

##### 5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Năm 2022 Công ty luôn chăm lo đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ thường các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm gắn kết người lao động tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

##### 5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương


Bên cạnh ý thức thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường hướng đến sự phát triển bền vững, Công ty luôn quan tâm đến các hoạt động thiện nguyện, xã hội do địa phương tổ chức và luôn sẵn sàng hưởng ứng những lời kêu gọi ủng hộ cho cộng đồng.

#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn, cũng như dựa trên tình hình thực tế, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã kịp thời thống nhất và đưa ra kế hoạch hoạt động và kinh doanh. Tuy vậy, năm 2022, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra như sau:

STT	Khoản mục	Kế hoạch năm 2022 (Triệu đồng)	Thực hiện năm 2022 (Triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện (%)
1	Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022	200.000	199.999	100
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.094.000	1.863.152	60,22
3	Lợi nhuận sau thuế	30.420	26.660	87,64

Như vậy, kế hoạch thực hiện tăng vốn điều lệ của GMA lên 200 tỷ theo NQ ĐHCĐ thường niên năm 2022 đã hoàn thành đúng tiến độ. Kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHCĐ 



thường niên năm 2022 thông qua là kế hoạch kinh doanh hợp nhất có sự góp mặt của các công ty con GMA dự kiến sẽ đầu tư. Trong năm 2022, GMA đã thực hiện đầu tư góp vốn tại 02 đơn vị là:

- Nhận chuyển nhượng vốn cổ phần của Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du (An Du) vào tháng 8/2022. An Du là nhà phân phối ủy quyền đầu tiên của Mercedes-Benz Việt Nam tại Miền Bắc, thường được biết đến là Mercedes-Benz An Du, là đơn vị luôn đi đầu trong lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ sửa chữa xe Mercedes-Benz. Tháng 12/2020, Công ty đã mua 4,1% trên tổng vốn điều lệ là 200 tỷ đồng của An Du. Trên cơ sở các Hợp đồng nguyên tắc đã ký với các cổ đông có nhu cầu chuyển nhượng, Công ty đã đàm phán thành công để nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của Công ty tại An Du từ 4,1% lên 55% vốn điều lệ. Khoản đầu tư để mua 50,9% vốn điều lệ của An Du là 183.240.000.000 đồng (Một trăm tám mươi ba tỉ, hai trăm bốn mươi triệu đồng), tương ứng 1.018.000 cổ phần.
- Đầu tư vốn vào Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát (Avis Việt Nam) vào tháng 11/2022. Avis Việt Nam là đơn vị cung cấp dịch vụ cho thuê xe ô tô chuyên nghiệp và mang tính toàn cầu, nằm trong hệ sinh thái của Avis toàn cầu – thương hiệu cho thuê xe ô tô số 1 thế giới có mặt trên 175 quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty đã thực hiện đầu tư mua 90% vốn điều lệ của Avis Việt Nam từ một trong các thành viên góp vốn của Avis Việt Nam. Khoản đầu tư để sở hữu 90% vốn điều lệ của Avis Việt Nam là 27.000.000.000 đồng (Hai mươi bảy tỉ đồng) trên tổng vốn điều lệ của Avis Việt Nam là 30 tỷ đồng.

Tuy nhiên, do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn sau đại dịch, lãi suất tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định chi tiêu của người dân, đặc biệt là việc chi tiêu trong mua sắm các sản phẩm cao cấp như xe hơi cũng như các dịch vụ liên quan ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con của GMA. Ngoài ra, việc ghi nhận doanh thu cũng như lợi nhuận vào báo cáo tài chính hợp nhất của GMA dựa trên thời điểm trở thành công ty con của GMA vào quý 3/2022 với An Du và cuối quý 4/2022 với Avis Việt Nam.

Kết thúc năm 2022, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của cả công ty mẹ và công ty con chỉ đạt được 60% kế hoạch đặt ra, tuy nhiên lợi nhuận sau thuế có tỉ lệ hoàn thành cao hơn là 87%. Đây cũng là nỗ lực đáng ghi nhận của toàn thể cán bộ nhân viên của công ty trong một năm có sự biến động lớn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đầy đủ các nội dung đã thông qua.

Ban Tổng Giám đốc định kỳ báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, những thuận lợi và khó khăn phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm bắt được, HĐQT tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong kỳ và yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết ĐHDCD đề ra.

Trong năm, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT. *K*

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý, tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

- HĐQT thực hiện công tác quản trị công ty theo đúng các quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật liên quan.
- HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, đảm bảo cung cấp đầy đủ các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát; tôn trọng tư cách khách quan, độc lập của Ban Kiểm soát. HĐQT tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình; giám sát việc chấn chỉnh, xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban Kiểm soát.
- HĐQT sẽ tập trung vào một số lĩnh vực chính trong năm 2023 phục vụ cho mục đích chuyển đổi và tái cấu trúc Công ty trong thời gian tới như sau:
  - + Tìm kiếm các công ty mục tiêu hoạt động cùng ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và dịch vụ ô tô để thực hiện đầu tư, góp vốn theo kế hoạch đã được phê duyệt;
  - + Chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc nghiên cứu, tìm hiểu các dự án mới, đặc biệt là các dự án liên quan đến lĩnh vực bất động sản;
  - + Đẩy nhanh việc đầu tư vào các dự án trong hệ sinh thái xe để có thể triển khai dự án vào cuối năm 2023 hoặc đầu năm 2024.
- HĐQT chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT đã ban hành, tuân thủ đúng quy định của pháp luật liên quan.
- HĐQT tăng cường công tác quản trị Công ty và hệ thống các công ty con, công ty liên kết nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị và giảm thiểu rủi ro trong điều hành.
- HĐQT tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm việc lập báo cáo tài chính quý/bán niên/năm, báo cáo quản trị và báo cáo thường niên và việc công bố thông tin đúng, đủ theo quy định của pháp luật liên quan.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### *a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị Công ty gồm 03 thành viên, mỗi nhiệm kỳ là 05 năm do ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra. Danh sách HĐQT hiện tại bao gồm: *2*



STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Tổng Thị Thu Huyền	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm TGĐ
3	Bà Đào Thị Như Thủy	Thành viên HĐQT độc lập

### **Bà Tổng Thị Thu Huyền – Chủ tịch HĐQT**

Họ và tên:	<b>Tổng Thị Thu Huyền</b>
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị tài chính đầu tư
Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn Gami</li> <li>- Giám đốc Công ty TNHH Vendici Partners</li> </ul>
Quá trình công tác:	
- Năm 2001 – 2008	Trưởng Ban nghiệp vụ XNK Công ty Thương mại XNK Viettel
- Năm 2008 - 2018	Giám đốc Tài chính Tổng Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel (Viettel Global)
- Tháng 02/2018 – 10/2018	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Flamigo
- Tháng 10/2018 – 10/2020	Phó Giám đốc Đầu tư Công ty cổ phần Tập đoàn T&T
- Tháng 12/2020 – 01/2022	Phó Ban Tài chính Tập đoàn Sunshine Group; Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Xây dựng SCG
- Tháng 01/2022 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn Gami
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở hữu cá nhân: 985.000 cổ phiếu (4,92% cổ phần)</li> <li>- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không



**Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Xem mục II.2.1 Ban Điều hành

**Bà Đào Thị Như Thùy – Thành viên HĐQT độc lập**

Họ và tên:	Đào Thị Như Thùy
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Quản lý điều hành cao cấp
Chức vụ hiện nay:	Thành viên HĐQT độc lập
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty cổ phần Gami Bất động sản
Quá trình công tác:	
- Năm 2018 - nay	Trưởng phòng Hành chính – Nhân sự Công ty cổ phần Gami Bất động sản
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không có

**b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

**c. Hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2022, HĐQT ban hành 18 Nghị quyết/Quyết định để chỉ đạo, điều hành một số các vấn đề, công việc quan trọng của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Kết quả thực hiện
1	01/2022/NQ-HĐQT	14/01/2022	Thông qua việc góp vốn thành lập CTCP Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	Đã hoàn thành
	02/2022/NQ-HĐQT	14/01/2022	Thông qua việc cử người đại diện quản lý phần vốn góp tại CTCP Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	Đã hoàn thành

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Kết quả thực hiện
2	03/2022/NQ-HĐQT	25/02/2022	Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	Đã hoàn thành
3	04/2022/NQ-HĐQT	12/04/2022	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần tại CTCP Đầu tư Thương mại An Dân	Đã hoàn thành
	05/2022/NQ-HĐQT	12/04/2022	Thông qua đề cử ứng viên bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027	Đã hoàn thành
4	41/2022/NQ-HĐQT	18/04/2022	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ và chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Đã hoàn thành
	47.1/2022/NQ-HĐQT	18/04/2022	Thông qua việc miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đã hoàn thành
5	47.2/2022/QĐNS-HĐQT	20/04/2022	Thông qua việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc	Đã hoàn thành
	47.3/2022/QĐNS-HĐQT	20/04/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc	Đã hoàn thành
	50/2022/GMA/NQ-HĐQT	20/04/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức	Đã hoàn thành
6	55.1/2022NQ-HĐQT	29/04/2022	Thông qua việc thay đổi Người thực hiện công bố thông tin	Đã hoàn thành
7	62/2022/GMA/NQ-HĐQT	12/05/2022	Thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.  Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty.  Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Đã hoàn thành

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Kết quả thực hiện
			của CTCP Enteco Việt Nam.	
8	68/2022/GMA/NQ-HDQT	01/06/2022	Thông qua việc thay thế Điều 5 Nghị quyết số 41/2022/NQ-GMA-HDQT ngày 18/4/2022 về phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết.	Đã hoàn thành
9	74/2022/NQ-HDQT	10/06/2022	Thông qua việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	Đã hoàn thành
	75.1/2022/NQ-HDQT	10/06/2022	Thông qua việc bổ nhiệm bà Đỗ Thị Xuân giữ chức vụ Phụ trách Kiểm toán nội bộ	Đã hoàn thành
	75.2/2022/NQ-HDQT	10/06/2022	Thông qua việc bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Nga giữ chức vụ Thư ký Công ty	Đã hoàn thành
	75.3/2022/NQ-HDQT	10/06/2022	Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Thành Trung giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty	Đã hoàn thành
10	76/2022/NQ-HDQT	14/06/2022	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính	Đã hoàn thành
11	77.1/2022/NQ-HĐQT	25/07/2022	Thông qua việc thay đổi người đại diện phần vốn góp tại CTCP An Dân Hưng Yên	Đã hoàn thành
	77.2/2022/NQ-HĐQT	25/07/2022	Thông qua việc miễn nhiệm Bà Đỗ Minh Khuyên không giữ chức vụ Kế toán trưởng	Đã hoàn thành
	77.3/2022/NQ-HĐQT	25/07/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Hương giữ chức vụ Kế toán trưởng	Đã hoàn thành
	77.4/2022/NQ-HĐQT	25/07/2022	Thông qua việc chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện tại Nguyễn Xiển, Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	Đã hoàn thành



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Kết quả thực hiện
12	78/2022/NQ-HĐQT	27/07/2022	Thông qua thực hiện sửa đổi một số nội dung tại Điều lệ Công ty theo Tờ trình số 21/2022/TT-HĐQT ngày 23/3/2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15/4/2022 thông qua	Đã hoàn thành
13	79/2022/NQ_HĐQT	28/07/2022	Thay đổi người đại diện pháp luật Công ty là bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Đã hoàn thành
14	80/2022/NQ-HĐQT	08/08/2022	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chuyên nghiệp theo phương án phát hành tăng vốn điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 15/04/2022 thông qua	Đã hoàn thành
15	81/2022/NQ-HĐQT	11/08/2022	Thông qua việc cử bà Nguyễn Thị Thanh Thủy làm người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty tại các công ty: CTCP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TMC, CTCP Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du, CTCP Đầu tư Thương mại An Dân, CTCP Xuất nhập khẩu Khoáng sản	Đã hoàn thành
	82/2022/NQ-HĐQT	11/08/2022	Thông qua việc mua cổ phần tại CTCP Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	Đã hoàn thành
16	83/2022/NQ-HĐQT	27/09/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký đối với bà Nguyễn Thị Ánh Hồng	Đã hoàn thành
	84/2022/NQ-HĐQT	27/09/2022	Thông qua miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty đối với ông Nguyễn Thành Trung	Đã hoàn thành

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Kết quả thực hiện
	85/2022/NQ-HĐQT	27/09/2022	Thông qua miễn nhiệm Thư ký công ty đối với bà Nguyễn Thị Nga	Đã hoàn thành
17	87.1/2022/NQ-HĐQT	25/11/2022	Thông qua việc thoái vốn tại CTCP Đầu tư Thương mại An Dân	Đã hoàn thành
	87.2/2022/NQ-HĐQT	25/11/2022	Thông qua việc thoái vốn tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên	Đã hoàn thành
	87.3/2022/NQ-HĐQT	25/11/2022	Thông qua việc đầu tư vốn vào Công ty TNHH Cho thuê Ô tô An Hòa Phát	Đã hoàn thành
	87.4/2022/NQ-HĐQT	25/11/2022	Thông qua việc cử bà Nguyễn Thị Thanh Thùy là người đại diện theo ủy quyền quản lý vốn tại Công ty TNHH Cho thuê Ô tô An Hòa Phát	Đã hoàn thành
18	88/2022/QĐ-HĐQT	28/11/2022	Ban hành quy chế công bố thông tin	Đã hoàn thành

*d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập*

Đến thời điểm hiện tại, HĐQT Công ty có 01 thành viên độc lập là bà Đào Thị Như Thùy. Trong năm 2022, bà Thùy đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT, hoàn thành việc giám sát bộ máy quản lý, điều hành, ngăn ngừa xung đột lợi ích, góp phần bảo vệ quyền lợi của cổ đông đồng thời có đóng góp tích cực, đưa ra nhiều ý kiến khách quan, độc lập cho hoạt động của HĐQT.

*e. Danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị Công ty và có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty*

Tất cả các thành viên HĐQT Công ty chưa có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty và chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty. Tuy nhiên chúng tôi thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị Công ty và sẽ tham gia khi các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khóa đào tạo phù hợp.

## **2. Ban Kiểm soát**

*a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát*

Ban Kiểm soát bao gồm 03 thành viên do ĐHCĐ biểu quyết thông qua, Trưởng ban do các thành viên BKS bầu, cụ thể như sau: 

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Thị Hương Giang	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ninh Thị Liễu	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Đặng Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

**Bà Lê Thị Hương Giang – Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và tên:	<b>Lê Thị Hương Giang</b>
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Chức vụ hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du
Quá trình công tác:	
Tháng 10/2002 – 05/2004	Kế toán bán hàng Công ty TNHH Inox Tiến Đạt
Tháng 06/2004 – 12/2011	Kế toán thuế, Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du
2012 – 2014	Phụ trách Kế toán CN Lạc Việt Hà Nội Công ty cổ phần Tin học Lạc Việt
Tháng 01/2015 – 10/2016	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Gami Thương mại
Tháng 11/2016 – 03/2017	Kế toán trưởng Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát
Tháng 04 – 12/2017	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du
Tháng 01 – 11/2018	Kế toán trưởng Công ty cổ phần XNK Khoáng sản
Tháng 12/2018 đến nay	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không có
--	----------

**Bà Ninh Thị Liễu – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên:	<b>Ninh Thị Liễu</b>
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân</li> <li>- Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội</li> </ul>
Quá trình công tác:	
2003 – 2007	Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Thương mại Á Âu
2007 đến nay	Kế toán tổng hợp, Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân
2022 đến nay	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu</li> <li>- Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu</li> </ul>
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không có

**Bà Đặng Thu Trang – Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên:	<b>Đặng Thu Trang</b>
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ Tài chính
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trưởng phòng Nguồn vốn Công ty cổ phần Tập đoàn Gami</li> <li>- Giám đốc Công ty cổ phần XNK Khoáng sản</li> </ul>

Quá trình công tác:	
2008 – 2012	Chuyên viên Tổng Công ty Đầu tư quốc tế Viettel
2012 – 12/2014	Trưởng nhóm Dự án Ban Đầu tư quốc tế Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)
Tháng 01/2015 – 2020	Trưởng phòng Quản lý Vốn đầu tư nước ngoài – Ban Đầu tư Tài chính Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel)
Tháng 01/2021 – 02/2022	Trưởng phòng Tái cấu trúc tài chính Công ty cổ phần Tập đoàn Sunshine
Tháng 02/2022 đến nay	Trưởng phòng nguồn vốn Công ty cổ phần Tập đoàn Gami
Tháng 08/2022 đến nay	Giám đốc Công ty cổ phần XNK Khoáng sản
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu - Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:	Không có

*b. Hoạt động của Ban Kiểm soát*

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp chính thức và tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT Công ty. Các nội dung quan trọng Ban Kiểm soát thảo luận và thông qua như sau:

- Bầu Trưởng Ban Kiểm soát.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, soát xét 6 tháng đầu năm 2022 và năm 2022.
- Giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty, việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 và các nghị quyết của HĐQT;
- Tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư góp vốn... Ban Kiểm soát đã tham gia ý kiến, các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình;
- Giám sát việc công bố thông tin định kỳ, thông tin bất thường một cách kịp thời và kiểm chứng tính xác thực của các thông tin công bố tới các cổ đông của Công ty;
- Kiểm tra công tác kế toán và lập báo cáo tài chính;
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát. ✓

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc**

*a. Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích*

Thù lao của HĐQT năm 2022 đã thực hiện chi trả là 132.000.000 đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập khác
1	Tổng Thị Thu Huyền	Chủ tịch HĐQT	45.000.000	0
2	Nguyễn Thị Thanh Thùy	Thành viên HĐQT	42.000.000	0
3	Đào Thị Như Thùy	Thành viên HĐQT độc lập	27.000.000	0
4	Nguyễn Hải Châu	Thành viên HĐQT (đã từ nhiệm)	6.000.000	0
5	Bùi Đức Toàn	Thành viên HĐQT (đã từ nhiệm)	6.000.000	0
6	Ninh Thị Liễu	Thành viên HĐQT (đã từ nhiệm)	6.000.000	0
	<b>Tổng cộng</b>		<b>132.000.000</b>	<b>0</b>

Thù lao của Ban Kiểm soát năm 2022 đã thực hiện chi trả là 84.000.000 đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Thu nhập khác
1	Bà Lê Thị Hương Giang	Trưởng Ban Kiểm soát	33.000.000	0
2	Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	0
3	Bà Đặng Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	18.000.000	0
4	Bà Đỗ Thị Xuân	Trưởng Ban Kiểm soát (đã miễn nhiệm)	9.000.000	0
5	Bà Nguyễn Thị Chà	Thành viên Ban Kiểm soát (đã miễn nhiệm)	6.000.000	0
	<b>Tổng cộng</b>		<b>84.000.000</b>	<b>0</b>

Thù lao của Ban Tổng Giám đốc năm 2022 là 700.000.000 đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương (VNĐ)
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy	Tổng Giám đốc	700.000.000



b. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do (tăng/giảm)
			Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỉ lệ (%)	
1	Tổng Thị Thu Huyền	Chủ tịch HĐQT	0	0	985.000	4,92	Mua trong đợt chào bán riêng lẻ tháng 8/2022
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	292.000	4,867	350.400	1,75	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021
3	Đỗ Thị Xuân	Kiểm toán nội bộ	294.000	4,90	352.800	1,76	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021

c. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ*

Không có.

d. *Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do người nội bộ của công ty nắm quyền kiểm soát*

- Giữa Công ty TNHH cho thuê ô tô An Hòa Phát với người có liên quan đến thành viên HĐQT: 2.231.339.205 đồng (vay nợ)
- Giữa Công ty TNHH cho thuê ô tô An Hòa Phát với CTCP Đầu tư Thương mại An Đô: 4.179.629.846 đồng (vay nợ và sử dụng dịch vụ bảo dưỡng ô tô)
- Giao dịch giữa Công ty TNHH cho thuê ô tô An Hòa Phát với Công ty TNHH Cung ứng dịch vụ An Phát: 1.048.343.040 đồng (dịch vụ thuê xe)
- Giao dịch giữa Công ty TNHH cho thuê ô tô An Hòa Phát với Công ty TNHH Vit Metal: 51.840.000 đồng (thuê mặt bằng kho bãi)
- Giao dịch giữa Công ty TNHH cho thuê ô tô An Hòa Phát với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản: 175.890.411 đồng (chi phí lãi vay)
- Giao dịch giữa Công ty TNHH cho thuê ô tô An Hòa Phát với Công ty cổ phần Đầu tư thương mại An Dân Hà Nội: 11.552.580 đồng (chi phí bảo dưỡng xe)
- Giao dịch giữa CTCP Truyền thông và dữ liệu thanh toán An Du với Công ty TNHH cung ứng dịch vụ An Phát: 66.000.000 đồng (chi phí thuê văn phòng)
- Giao dịch giữa CTCP Truyền thông và dữ liệu thanh toán An Du với Công ty TNHH VIT METAL: 362.880.000 đồng (chi phí thuê kho bãi) ✓

#### **4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Trong năm, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty luôn chấp hành tốt và đầy đủ các quy định của Pháp luật hiện hành về quản trị Công ty đại chúng.

Hoạt động kiểm toán nội bộ: Ngày 10/06/2022, Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm bà Đỗ Thị Xuân giữ chức vụ phụ trách kiểm toán nội bộ của Công ty, theo đó Bộ phận kiểm toán nội bộ có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, đánh giá đầy đủ hiệu quả quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ cũng như chất lượng hiệu suất trong việc thực thi nhiệm vụ được giao và đưa ra các khuyến nghị hoàn thiện để đạt được mục tiêu, mục đích của Công ty.

Các hoạt động quan hệ với nhà đầu tư đã thực hiện trong năm:

- + Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo quy định pháp luật
- + Thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ về công bố thông tin theo quy định pháp luật; đảm bảo tính trung thực, minh bạch, công khai, kịp thời của công bố thông tin.
- Các kế hoạch tăng cường hiệu quả trong quản trị công ty:
  - + Liên tục cập nhật những quy định mới, cử cán bộ chuyên trách theo dõi và báo cáo thường xuyên.
  - + Chủ động tăng cường minh bạch hóa thông tin của Công ty cho các cổ đông thông qua cập nhật các thông tin về tình hình hoạt động Công ty trên website và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định.

## **VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY**

### **1. Tác động lên môi trường**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Công ty hiện không thực hiện kiểm định lượng phát thải khí nhà kính của riêng Công ty. Tuy nhiên để giảm thiểu tối đa tác động lên môi trường, Công ty đã chỉ đạo và khuyến khích các cán bộ nhân viên và thành viên của Công ty thực hiện tiết kiệm tối đa các nguồn năng lượng, giảm thiểu phát thải khí nhà kính bằng nhiều biện pháp như:

- + Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, tiết kiệm nước.
- + Sử dụng điều hòa một cách hợp lý.
- + Sử dụng bóng đèn LED ...

### **2. Tiêu thụ năng lượng**

Điện năng được Công ty sử dụng chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiết kiệm điện: ✓



Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Công ty luôn khuyến khích các cán bộ nhân viên của công ty thực hiện nghiêm túc các biện pháp tiết kiệm năng lượng như: tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, sử dụng điều hòa một cách hợp lý, ưu tiên sử dụng bóng đèn LED để tiết kiệm điện ... Nhờ đó Công ty có thể giảm thiểu chi phí, vừa có thể góp phần giảm thiểu tác động gây hại lên môi trường.

### **3. Tiêu thụ nước**

Nguồn nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn cấp nước do các cơ quan, doanh nghiệp được cấp phép hoạt động.

Công ty luôn chú trọng tiết kiệm nước, chỉ sử dụng nguồn nước khi thực sự cần thiết để tránh lãng phí và góp phần bảo vệ môi trường.

### **4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

Công ty luôn thực hiện đúng những quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường như vấn đề sử dụng năng lượng, nguồn nước, quản lý và xử lý chất thải.

### **5. Chính sách liên quan đến người lao động**

Năm 2022, Công ty luôn chăm lo đời sống cho người lao động, thực hiện đầy đủ chế độ lương, thưởng các ngày lễ trong năm, sinh nhật, sinh hoạt tập thể nhằm, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về bảo hiểm cho cán bộ nhân viên như khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các đợt nghỉ mát nhằm gắn kết người lao động, tạo sức mạnh to lớn để hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo nội bộ cho cán bộ nhân viên trong công ty về kỹ năng, kiến thức chuyên sâu áp dụng trong từng mảng hoạt động của Công ty nhằm phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

### **6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Công ty luôn ý thức việc xây dựng một môi trường làm việc đảm bảo mọi người lao động đều được an toàn, khỏe mạnh có cơ hội phát triển, nuôi sống được bản thân, gia đình,... tạo công ăn việc làm ổn định cho lao động địa phương là một trách nhiệm xã hội lớn mà Công ty đã làm được. Bên cạnh những nỗ lực, cố gắng trong sản xuất kinh doanh, Công ty xác định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp xã hội. Hằng năm, Công ty luôn dành một phần lợi nhuận của mình để thực hiện các hoạt động mang tính cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống xã hội trên tinh thần giúp đỡ, chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn bất hạnh trong cuộc sống, cùng góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp, nhân văn. ✓



## VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến Kiểm toán

Chấp nhận toàn phần

### 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

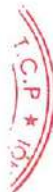
Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022 đính kèm báo cáo thường niên năm 2022. Chi tiết báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, quý cổ đông vui lòng xem trên website công ty tại địa chỉ: [www.g-automobile.vn](http://www.g-automobile.vn) mục Quan hệ cổ đông.

### XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**



**CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**  
**Đã được kiểm toán**



<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-35



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần G-Automobile (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần G-Automobile (tên cũ là Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 10/10/2011, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 11/10/2022 với mã số doanh nghiệp là 0105558271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 11 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Tống Thị Thu Huyền	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 18/04/2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18/04/2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà Đào Thị Như Thủy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2022)
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)
Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)
Ông Bùi Đức Toàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20/04/2022)
Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20/04/2022)

#### **Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
Bà Lê Thị Hương Giang	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 21/04/2022)
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà Đặng Thu Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà Đỗ Thị Xuân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)
Bà Nguyễn Thị Chà	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15/04/2022)

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần G-Automobile đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Thị Thanh Thủy**





Số: 210/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:**

**Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần G-Automobile**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần G-Automobile lập ngày 25/03/2023, được trình bày từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần G-Automobile tại ngày 31/12/2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



*Trần Mạnh Đức*

---

**ĐỖ THỊ DUYÊN**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHNKT số: 3642-2021-126-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**  
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

---

**TRẦN MẠNH ĐỨC**  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHNKT số: 4884 -2019-126-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>974.266.131.565</b>	<b>24.124.176.730</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>57.698.362.073</b>	<b>117.378.107</b>
1. Tiền	111		57.698.362.073	117.378.107
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>488.095.221.761</b>	<b>22.290.321.571</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	217.878.941.132	6.113.673.014
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	4.270.605.471	242.595.990
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	77.592.929.000	39.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	188.822.907.797	15.955.651.867
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(470.161.639)	(60.599.300)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.06	<b>395.664.603.565</b>	<b>1.710.433.717</b>
1. Hàng tồn kho	141		396.806.778.966	1.710.433.717
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.142.175.401)	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>32.807.944.166</b>	<b>6.043.335</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	6.544.688.277	6.043.335
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.254.443.082	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	8.812.807	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>598.834.733.639</b>	<b>85.554.310.183</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>719.710.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	719.710.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>472.469.002.535</b>	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	469.434.519.030	-
- Nguyên giá	222		663.415.386.800	227.751.865
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(193.980.867.770)	(227.751.865)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.08	1.626.292.846	-
- Nguyên giá	225		3.946.085.447	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(2.319.792.601)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	1.408.190.659	-
- Nguyên giá	228		12.226.193.896	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(10.818.003.237)	-
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.10	<b>7.892.301.202</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.892.301.202	-
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>65.671.930.334</b>	<b>85.340.187.965</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11.1	15.558.010.334	11.760.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11.2	50.113.920.000	73.580.187.965
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>52.081.789.568</b>	<b>214.122.218</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	38.820.947.761	214.122.218
2. Lợi thế thương mại	269	V.13	13.260.841.807	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.573.100.865.204</b>	<b>109.678.486.913</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.110.562.074.556</b>	<b>31.226.423.043</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>960.353.720.990</b>	<b>6.754.890.651</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	40.218.451.750	2.129.105.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	117.501.001.543	1.988.525.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	23.674.586.983	1.027.405.834
4. Phải trả người lao động	314		50.332.442.575	1.313.738.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	22.863.800.847	279.479.492
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		42.685.126	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	5.169.210.475	16.636.947
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	699.883.105.649	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		668.436.042	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>150.208.353.566</b>	<b>24.471.532.392</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	1.361.532.392
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	6.974.649.961	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	125.582.814.629	23.110.000.000
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		17.460.059.153	-
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		190.829.823	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>462.538.790.648</b>	<b>78.452.063.870</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.20	<b>462.538.790.648</b>	<b>78.452.063.870</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.999.990.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.999.990.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		76.628.400.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.605.410.363	18.452.063.870
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.267.606.925	13.025.982.326
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		23.337.803.438	5.426.081.544
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		156.304.990.285	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.573.100.865.204</b>	<b>109.678.486.913</b>

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy



## BÁO CÁO

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	1.863.151.528.062	103.207.415.904
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.2	1.863.151.528.062	103.207.415.904
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	1.739.395.768.311	90.197.191.036
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		123.755.759.751	13.010.224.868
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	11.546.280.664	17.866.656
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	17.535.241.586	1.943.913.813
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.442.470.126	1.943.538.219
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.208.010.334	-
9. Chi phí bán hàng	25	VII.6	59.167.271.577	327.246.848
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	39.897.878.154	5.079.619.009
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.909.659.432	5.677.311.854
12. Thu nhập khác	31	VII.7	8.176.337.386	1.588.101.449
13. Chi phí khác	32	VII.8	643.262.050	950.637.113
14. Lợi nhuận khác	40		7.533.075.336	637.464.336
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		29.442.734.768	6.314.776.190
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.9	11.431.598.972	888.694.646
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(8.648.410.578)	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		26.659.546.374	5.426.081.544
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		24.759.798.012	5.426.081.544
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.899.748.362	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.10	2.110	754
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VII.10	2.110	754

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****(Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.442.734.768	6.314.776.190
2. Điều chỉnh cho các khoản		10.924.919.392	593.232.174
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02	8.043.013.033	255.286.466
- Các khoản dự phòng	03	189.369.420	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	375.594
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.749.933.187)	(1.605.968.105)
- Chi phí lãi vay	06	17.442.470.126	1.943.538.219
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	40.367.654.160	6.908.008.364
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	221.834.846.159	75.838.759.731
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(99.953.954.489)	4.967.351.891
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(105.029.044.197)	(72.936.593.429)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.504.827.407	436.100.432
- Tiền lãi vay đã trả	14	(14.927.333.216)	(342.981.325)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.559.245.305)	(671.614.173)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.764.460.715)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.473.289.804	14.199.031.491
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(135.149.522.126)	(6.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TDH khác	22	957.272.727	10.957.272.728
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(81.630.058.905)	(4.612.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	38.703.058.905	4.573.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(159.496.973.560)	(11.760.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	29.560.540.159	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.439.639.417	2.635.561
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(304.616.043.383)	(6.839.091.711)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CHS	31	204.628.400.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.921.097.148.859	46.790.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.803.693.164.750)	(55.574.046.025)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(308.646.564)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	321.723.737.545	(8.784.046.025)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	57.580.983.966	(1.424.106.245)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	117.378.107	1.541.859.946
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(375.594)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	57.698.362.073	117.378.107

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần G-Automobile (tên cũ là Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam) là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 10/10/2011, đăng ký thay đổi lần 09 ngày 11/10/2022 với mã số doanh nghiệp là 0105558271 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 09 ngày 11/10/2022 là: 199.999.990.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Số lượng lao động tại ngày 31/12/2022 của Công ty mẹ và các công ty con là 607 người.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 11 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, đầu tư và kinh doanh bất động sản.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- ✓ Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Trừ đấu giá
- ✓ Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động
- ✓ Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- ✓ Sửa chữa máy móc, thiết bị
- ✓ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- ✓ Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- ✓ Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
- ✓ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông



- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- ✓ Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)
- ✓ Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Trừ đấu giá
- ✓ Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu/ Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa
- ✓ Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
- ✓ Hoạt động tư vấn quản lý;
- ✓ Cho thuê xe có động cơ. Trừ đấu giá
- ✓ Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: (trừ máy bay, khinh khí cầu)
- ✓ Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
- ✓ Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

#### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm 31/12/2022, Văn phòng Công ty đặt tại Số 11 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Cuối tháng 8/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile mua thêm 50,9% vốn của Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du, nâng tỷ lệ sở hữu tại công ty này từ 4,1% lên 55% và trở thành Công ty mẹ của công ty này.

Đầu tháng 12/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile mua 90% vốn của Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát và trở thành Công ty mẹ của Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát.

**Tổng số các công ty con tại thời điểm 31/12/2022: 02 công ty**

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02 công ty  
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Danh sách các Công ty con được hợp nhất	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	55%	55%
Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát	90%	90%

**Tổng số Công ty liên kết: 01 Công ty**

- Số Công ty liên kết được hợp nhất: 01 Công ty  
- Số Công ty liên kết không được hợp nhất: 0 Công ty

Danh sách các Công ty liên kết được hợp nhất	Tỷ lệ lợi ích (%)	Quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	30,875%	30,875%

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành và thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



## **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

#### **a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.



**b. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

**d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

**4. Nguyên tắc kế toán phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá



công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

### ***a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

### ***b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

### ***c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### ***d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên

quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 20 năm |
| - Máy móc, thiết bị      | 05 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải    | 05 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng     | 03 - 05 năm |

#### **7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### **8. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại Công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

#### **9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;



- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

#### **11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### ***a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***a. Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### ***b. Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó



Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**d. Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán trong kỳ.



Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

### **18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



## 19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

### Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

## 20. Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con mà Công ty mẹ giữ quyền kiểm soát được lập cho cùng kỳ kế toán đã được kiểm toán. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty mẹ và Công ty con là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu kể cả cả khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

## 21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

### Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2022	01/01/2022
<b>1 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	3.093.831.772	90.309.023
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.604.530.301	27.069.084
<b>Cộng</b>	<b>57.698.362.073</b>	<b>117.378.107</b>
<b>2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
a) Phải thu khách hàng	217.642.938.633	6.113.673.014
- Phải thu khách hàng về kinh doanh xe ô tô	190.357.696.572	-
- Phải thu khách hàng về cho thuê xe ô tô	24.729.513.801	-
- Công ty CP Xây dựng Nền móng dân dụng và Công nghiệp Minh Đức	1.236.159.578	1.236.159.578
- Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Quân	-	1.736.800.000
- Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Thương mại Thái Minh	329.007.301	529.007.301
- Công ty TNHH SX và TM Thiết bị Công nghiệp Việt	311.739.571	311.739.571
- Công ty Cổ phần Thiết bị Xây dựng Tiên Phong	-	630.000.000
- Công ty TNHH Vit-Metal	341.080.000	-
- Các khách hàng khác	337.741.810	1.669.966.564
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	236.002.499	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	236.002.499	-
<b>Cộng</b>	<b>217.878.941.132</b>	<b>6.113.673.014</b>
<b>3 . Trả trước người bán ngắn hạn</b>		
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.270.605.471	242.595.990
- Công ty CP Công nghệ phòng cháy Thành Nam	1.046.019.800	-
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	44.000.000	44.000.000
- Công ty Cổ phần Chứng khoán APG	40.000.000	40.000.000
- Rent Centric, Inc	-	158.595.990
- Trả trước cho người bán khác	3.140.585.671	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
<b>Cộng</b>	<b>4.270.605.471</b>	<b>242.595.990</b>
<b>4 . Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>		
- Công Ty TNHH Đầu Tư và Thương Mại Sen Trắng	-	39.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ	75.826.929.000	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tài chính và Phát triển doanh nghiệp tại Miền Trung	1.466.000.000	-
- Công ty TNHH Vit Metal	300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>77.592.929.000</b>	<b>39.000.000</b>

Các khoản cho vay các tổ chức theo kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 0% đến 12%/năm.

5 . Các khoản phải thu khác	31/12/2022	01/01/2022
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>188.822.907.797</b>	<b>15.955.651.867</b>
Phải thu khác	171.057.233.866	2.794.851.130
<i>Phải thu từ Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam liên quan đến các khoản thương đại lý</i>	<i>40.586.132.591</i>	-
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Công nghệ (1)</i>	<i>130.000.000.000</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>471.101.275</i>	<i>2.794.851.130</i>
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.840.000	44.000.000
Tạm ứng	17.614.833.931	13.116.800.737
<b>b. Dài hạn</b>	<b>719.710.000</b>	-
Cầm cổ, ký quỹ, ký cược dài hạn	719.710.000	-
<b>Cộng</b>	<b>189.542.617.797</b>	<b>15.955.651.867</b>

(1) Khoản góp vốn đầu tư để thực hiện dự án xây dựng "Toà nhà văn phòng cho thuê" tại Khu Cửa Trại, xã Đường Thủy, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng hợp tác phát triển dự án số 0108/2022/HDHTKD/CONGNHGE-ANDU ngày 01/08/2022.

6 . Hàng tồn kho	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	138.960.843.179	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	86.261.290	-
Công cụ dụng cụ	815.033.185	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.424.290.337	-	536.028.478	-
Hàng hóa	243.606.612.265	(1.142.175.401)	1.088.143.949	-
<b>Cộng</b>	<b>396.806.778.966</b>	<b>(1.142.175.401)</b>	<b>1.710.433.717</b>	-

Số hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2022 được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 19).

#### 7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	227.751.865	-	-	-	-	227.751.865
Số tăng trong năm	96.224.892.284	34.461.542.549	588.648.849.713	21.204.317.144	51.000.000	740.590.601.690
<i>Mua trong năm</i>	<i>21.920.902.615</i>	<i>256.388.234</i>	<i>128.873.683.559</i>	<i>4.182.032.708</i>	-	<i>155.233.007.116</i>
<i>Tăng do hợp nhất</i>	<i>74.303.989.669</i>	<i>33.304.699.275</i>	<i>459.775.166.154</i>	<i>17.022.284.436</i>	<i>51.000.000</i>	<i>584.457.139.534</i>
<i>Tăng từ mua lại tài sản thuê tài chính</i>	-	<i>900.455.040</i>	-	-	-	<i>900.455.040</i>
Số giảm trong năm	-	-	(77.402.966.755)	-	-	(77.402.966.755)
<i>Thanh lý</i>	-	-	<i>(77.402.966.755)</i>	-	-	<i>(77.402.966.755)</i>
<i>Chuyển sang BĐSĐT</i>	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	96.452.644.149	34.461.542.549	511.245.882.958	21.204.317.144	51.000.000	663.415.386.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	227.751.865	-	-	-	-	227.751.865
Số tăng trong năm	58.213.821.879	26.153.179.540	98.601.264.052	15.560.489.652	51.000.000	198.579.755.123
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.649.080.033</i>	<i>802.357.028</i>	<i>12.076.779.128</i>	<i>512.567.613</i>	-	<i>15.040.783.802</i>
<i>Khấu hao từ tăng TSCĐ thuê tài chính</i>	-	<i>850.262.400</i>	-	-	-	<i>850.262.400</i>
<i>Tăng do hợp nhất</i>	<i>56.564.741.846</i>	<i>24.500.560.112</i>	<i>86.524.484.924</i>	<i>15.047.922.039</i>	<i>51.000.000</i>	<i>182.688.708.921</i>
Số giảm trong năm	-	-	(4.826.639.218)	-	-	(4.826.639.218)
<i>Thanh lý</i>	-	-	<i>(4.826.639.218)</i>	-	-	<i>(4.826.639.218)</i>
Số dư cuối năm	58.441.573.744	26.153.179.540	93.774.624.834	15.560.489.652	51.000.000	193.980.867.770
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày cuối năm	38.011.070.405	8.308.363.009	417.471.258.124	5.643.827.492	-	469.434.519.030

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022 là:

80.839.970.984



## 8 . Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm		-
Số tăng trong năm	5.674.043.857	5.674.043.857
- Mua trong năm		-
- Tăng do hợp nhất	5.674.043.857	5.674.043.857
Số giảm trong năm	(1.727.958.410)	(1.727.958.410)
- Thanh lý, nhượng bán	(900.455.040)	
- Giảm khác	(827.503.370)	(827.503.370)
Số dư cuối năm	3.946.085.447	3.946.085.447
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong năm	3.987.522.400	3.987.522.400
- Khấu hao trong năm	185.018.132	185.018.132
- Tăng do hợp nhất	3.802.504.268	3.802.504.268
Số giảm trong năm	(1.667.729.799)	(1.667.729.799)
- Thanh lý, nhượng bán	(850.262.400)	(850.262.400)
- Giảm do chuyển sang TSCD hữu hình	(817.467.399)	
Số dư cuối năm	2.319.792.601	2.319.792.601
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	1.626.292.846	1.626.292.846
Nguyên giá TSCD hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022 là:		1.833.101.017

## 8 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Phần mềm máy tính	TSCD vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số tăng trong năm	8.400.651.896	3.825.542.000	12.226.193.896
- Mua trong năm	6.708.332	-	6.708.332
- Tăng do hợp nhất	8.393.943.564	3.825.542.000	12.219.485.564
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	8.400.651.896	3.825.542.000	12.226.193.896
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số tăng trong năm	7.195.272.466	3.622.730.771	10.818.003.237
- Khấu hao trong năm	162.515.435	4.472.367	166.987.802
- Tăng do hợp nhất	7.032.757.031	3.618.258.404	10.651.015.435
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	7.195.272.466	3.622.730.771	10.818.003.237
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	1.205.379.430	202.811.229	1.408.190.659
Nguyên giá TSCD hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2022 là:			9.889.594.066

10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2022	01/01/2022
- Dự án phần mềm CRM	1.317.254.665	-
- Dự án đầu tư xây dựng Showroom tại Quảng Ninh - Giai đoạn 2	5.886.225.037	-
- Khác	688.821.500	-
<b>Cộng</b>	<b>7.892.301.202</b>	<b>-</b>

## 11.1. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên (1)	-	-	11.760.000.000	-	-	11.760.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội (2)	12.350.000.000	-	15.558.010.334	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.350.000.000</b>	<b>-</b>	<b>15.558.010.334</b>	<b>11.760.000.000</b>	<b>-</b>	<b>11.760.000.000</b>

(1): Vốn góp của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên là 24.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 01/01/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 49% với giá mua 11.760.000.000 đồng. Tại 31/12/2022, công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Dân Hưng Yên.

(2): Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội là 40.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 30,875% tương đương 12.350.000.000 đồng.

## 11.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (1)	47.113.920.000	-	47.113.920.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du (2)	-	-	7.753.115.965	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân (3)	-	-	15.713.152.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và dịch vụ TMC (4)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>50.113.920.000</b>	<b>-</b>	<b>73.580.187.965</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(1) Vốn góp của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản là 800.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 4,99% với giá mua 47.113.920.000 đồng.

(2) Vốn góp của Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du là 200.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 01/01/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 4,1% với giá mua 7.753.115.965 đồng.

(3) Tại thời điểm 01/01/2022, vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân là 52.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 19% với giá mua 15.713.152.000 đồng. Trong năm, Công ty Cổ phần G-Automobile chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân.



(4) Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TMC là 20.000.000.000 đồng. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty Cổ phần G-Automobile sở hữu 15% với giá mua 3.000.000.000 đồng.

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

	31/12/2022		01/01/2022		
<b>12 . Chi phí trả trước</b>					
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>6.544.688.277</b>		<b>6.043.335</b>	
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ		6.544.688.277		6.043.335	
<b>b. Dài hạn</b>		<b>38.820.947.761</b>		<b>214.122.218</b>	
- Chi phí thuê mặt bằng và tài sản gắn liền với mặt bằng trả trước		32.910.993.998			
- Công cụ dụng cụ và chi phí khác chờ phân bổ		5.909.953.763		214.122.218	
<b>Cộng</b>		<b>45.365.636.038</b>		<b>220.165.553</b>	
<b>13 . Lợi thế thương mại</b>		Năm nay		Năm trước	
- Số dư đầu năm		-		-	
- Phát sinh trong năm		13.837.400.146		-	
- Phân bổ trong năm		(576.558.339)		-	
- Số dư cuối năm		<b>13.260.841.807</b>		-	
<b>14 . Phải trả người bán ngắn hạn</b>		31/12/2022		01/01/2022	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	40.218.451.750	40.218.451.750	2.129.105.000	2.129.105.000	
- Công ty Cổ phần Thiết bị 999	-	-	1.074.000.000	1.074.000.000	
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại và Dịch vụ Thiên Việt	-	-	1.050.000.000	1.050.000.000	
- Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	15.947.666.475	15.947.666.475	-	-	
- Avis head quarter office	2.543.390.547	2.543.390.547	-	-	
- Công ty TNHH MTV ô tô Trường Hải Phạm Văn Đồng - Hà Nội	1.200.042.309	1.200.042.309	-	-	
- Công ty TNHH Mercedes - Benz Việt Nam	15.947.666.475	15.947.666.475	-	-	
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	4.579.685.944	4.579.685.944	5.105.000	5.105.000	
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>40.218.451.750</b>	<b>40.218.451.750</b>	<b>2.129.105.000</b>	<b>2.129.105.000</b>	
<b>15 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		31/12/2022		01/01/2022	
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		117.501.001.543		1.988.525.000	
- Công ty Cổ phần SMK Việt Nam		-		1.088.525.000	
- Công ty Cổ phần Thiết bị 365		-		900.000.000	
- Người mua trả tiền trước liên quan đến kinh doanh xe ô tô		117.448.555.443		-	
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác		52.446.100		-	
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		-		-	
<b>Cộng</b>		<b>117.501.001.543</b>		<b>1.988.525.000</b>	

## 16 . Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	31/12/2022		Số phải nộp trong năm/ Biến động tăng khác	Số đã thực nộp trong kỳ/ Biến động giảm khác	01/01/2022	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng		915.221.607	4.496.969.402	3.589.329.621	-	7.581.826
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	21.219.249.125	22.889.799.784	2.559.245.305	-	888.694.646
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.540.116.251	3.658.038.119	2.249.051.230	-	131.129.362
Các loại thuế khác	8.812.807		118.174.434	126.987.241	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			413.494.984	413.494.984	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.812.807</b>	<b>23.674.586.983</b>	<b>31.576.476.723</b>	<b>8.938.108.381</b>	<b>-</b>	<b>1.027.405.834</b>

(\*) Biến động tăng của thuế TNDN:

- Thuế TNDN phải nộp năm 2022

11.431.598.972

- Thuế TNDN tăng do hợp nhất

11.291.402.915

- Truy thu và phạt theo biên bản kiểm tra thuế

166.797.897

**22.889.799.784**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 17 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
<b>a, Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay phải trả	4.156.148.794	279.479.492
Chi phí bán hàng, khuyến mại	15.657.416.945	
Chi phí phải trả khác	3.050.235.108	
<b>Cộng</b>	<b>22.863.800.847</b>	<b>279.479.492</b>
<b>b, Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.361.532.392
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.361.532.392</b>

## 18 . Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.169.210.475</b>	<b>16.636.947</b>
- Kinh phí công đoàn	588.985.765	8.545.315
- Phải trả khác	4.580.224.710	8.091.632
+ Lãi vay phải trả	1.216.625.682	-
+ Phải trả khác	3.363.599.028	8.091.632
<b>b. Dài hạn</b>	<b>6.974.649.961</b>	<b>-</b>
- Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	6.974.649.961	-
<b>Cộng</b>	<b>12.143.860.436</b>	<b>16.636.947</b>



## 19. Vay và nợ thuê tài chính

## 19.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

## Giá trị và số có khả năng trả nợ

	31/12/2022	Tăng do hợp nhất	Tăng	Giảm	01/01/2022
<b>a, Vay ngắn hạn</b>	<b>692.090.890.277</b>	<b>549.625.636.488</b>	<b>1.920.125.946.945</b>	<b>1.777.660.693.156</b>	<b>-</b>
Vay tổ chức, cá nhân khác tại công ty mẹ	1.839.000.000	-	3.789.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (1)	1.950.000.000		1.950.000.000		
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng (2)	1.776.000.000		1.776.000.000		
Nguyễn Thị Tố Quyên (3)	63.000.000		63.000.000		
Các khoản vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du (4)	645.876.000.000	504.270.328.000	1.900.629.616.438	1.759.023.944.438	
Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tại Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hoà Phát (5)	30.421.743.921	28.484.173.969	14.107.330.507	12.169.760.555	
Các khoản vay ngắn hạn đối tượng khác tại Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hoà Phát	12.004.146.356	16.871.134.519	1.600.000.000	6.466.988.163	
<b>b, Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>7.792.215.372</b>	<b>-</b>	<b>7.792.215.372</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	1.550.000.000		1.550.000.000		
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du	4.797.741.394		4.797.741.394		
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả tại Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hoà Phát	1.444.473.978		1.444.473.978		
	<b>699.883.105.649</b>	<b>549.625.636.488</b>	<b>1.927.918.162.317</b>	<b>1.777.660.693.156</b>	<b>-</b>

## 19.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

## Giá trị và số có khả năng trả nợ

	31/12/2022	Tăng do hợp nhất	Tăng	Giảm	01/01/2022
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản (6)	1.550.000.000			21.560.000.000	23.110.000.000
Các khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du (7)	22.305.003.193	24.087.453.193		1.782.450.000	
Các khoản vay dài hạn ngân hàng tại Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hoà Phát (8)	108.700.151.978	110.421.173.572	969.000.000	2.690.021.594	
Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du (9)	819.874.830	1.126.319.480	2.201.914	308.646.564	
	<b>133.375.030.001</b>	<b>135.634.946.245</b>	<b>971.201.914</b>	<b>26.341.118.158</b>	<b>23.110.000.000</b>
Trong đó					
Vay dài hạn đến hạn trả	7.792.215.372				-
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>125.582.814.629</b>				<b>23.110.000.000</b>

**Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:**

(1) Hợp đồng vay số 2001/2022/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 20/01/2022 và hợp đồng vay số 1001/2022/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10/01/2022

Số tiền vay: 1.950.000.000 đồng

Thời hạn vay: 12 tháng

Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

Lãi suất cho vay: 10%/ năm

Số dư vay tại 31/12/2022 là: 1.950.000.000 đồng

(2) Vay Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 2803/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 28/03/2022, số tiền vay 1.050.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 11,82%/năm. Số dư gốc vay tại 31/12/2022 là 1.050.000.000 đồng

- Hợp đồng vay số 0605/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 06/05/2022, số tiền vay 366.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 6,5%/năm. Số dư gốc vay tại 31/12/2022 là 366.000.000 đồng

- Hợp đồng vay số 2007/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 20/07/2022, số tiền vay 360.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay 10%/năm. Số dư gốc vay tại 31/12/2022 là 360.000.000 đồng

(3) Vay bà Nguyễn Thị Tố Quyên theo hợp đồng vay số 0311/2022/HĐCV ngày 03/11/2022, và kế ước nhận nợ lần 1 ngày 04/11/2022, số tiền vay theo hợp đồng 69.700.000 đồng, số tiền theo kế ước nhận nợ lần 1 là 63.000.000 đồng, thời hạn vay: 24 tháng. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Hợp đồng vay không tính lãi suất. Số dư gốc vay tại 31/12/2022 là 63.000.000 đồng.

(4) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du:

Ngân hàng	Số dư tại 31/12/2022
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	90.167.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế - Chi nhánh Lý Thường Kiệt	68.668.000.000
Ngân hàng HSBC Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	160.904.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	209.741.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	116.396.000.000
<b>Cộng</b>	<b>645.876.000.000</b>

Các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ tại từng thời điểm vay, và được thế chấp bằng Hàng tồn kho (Thuyết minh 6).

(5) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hoà Phát:

Ngân hàng	Số dư tại 31/12/2022
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội (Navi)	7.579.144.608
Ngân hàng TPCP Tiên Phong-CN Hà Nội (TPBank)	22.842.599.313
<b>Cộng</b>	<b>30.421.743.921</b>

Các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ tại từng thời điểm vay, và được thế chấp bằng Tài sản cố định là các xe ô tô.

(6) Vay dài hạn Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 2509/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 25 tháng 09 năm 2021. Số tiền vay: 11.760.000.000 đồng. Thời hạn vay: 26 tháng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay: 11,82%/ năm. Số dư vay tại 31/12/2022 là: 0 đồng

- Hợp đồng vay số 1003/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10 tháng 03 năm 2021. Số tiền vay: 11.200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 33 tháng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay: 11,82%/ năm. Số dư vay tại 31/12/2022 là: 1.400.000.000 đồng

- Hợp đồng vay số 1009/2021/MINEX-ENTECO ngày 10 tháng 09 năm 2021. Số tiền vay: 150.000.000 đồng. Thời hạn vay: 24 tháng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay: 6,5%/ năm. Số dư vay tại 31/12/2022 là: 150.000.000 đồng

Trong đó, khoản vay dài hạn đến hạn trả: 1.550.000.000 đồng

(7) Chi tiết các khoản vay dài hạn tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du:

Ngân hàng	Kỳ hạn	Số dư tại 31/12/2022
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	84 tháng	15.424.715.693
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	60 tháng	6.880.287.500
<b>Cộng</b>		<b>22.305.003.193</b>

Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng có lãi suất quy định theo từng kế ước nhận nợ tại từng thời điểm vay và được thế chấp bằng Tài sản cố định (Thuyết minh 7).



(8) Chi tiết các khoản vay dài hạn tại Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hoà Phát:

Ngân hàng	Kỳ hạn	Số dư tại 31/12/2022
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Hà Nội (Navi)	60 tháng	1.909.854.500
Ngân hàng VCB - Chi nhánh Thanh Xuân	60 tháng	13.304.538.360
Ngân hàng TPCP Tiên Phong-CN Hà Nội (TPBank)	36-60 tháng	93.485.759.118
<b>Cộng</b>		<b>108.700.151.978</b>

Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng có lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ tại từng thời điểm vay và được thế chấp bằng Tài sản cố định (Thuyết minh 7).

(9) Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du:

Hợp đồng	Bên cho thuê	Giá trị thuê	Kỳ hạn (tháng)	Số dư tại 31/12/2022
Số 42.19.02/CTTC ngày 20/03/2019	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	884.744.695	48	147.457.455
Số 42.20.02/CTTC ngày 27/03/2020	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	3.073.908.000	48	672.417.375
<b>Cộng</b>				<b>819.874.830</b>

Lãi suất cho thuê được điều chỉnh định kỳ theo lãi suất của Ngân hàng.

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng trên được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố tại với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

## 20. Vốn chủ sở hữu

### 20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 01)

#### 20.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
Các cổ đông khác	199.999.990.000	60.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>199.999.990.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

#### 20.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm 2022	Năm 2021
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	139.999.990.000	
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	199.999.990.000	60.000.000.000

#### 20.4. Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.999.999	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	19.999.999	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.999.999	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.999.999	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	19.999.999	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

	Đơn vị tính: Đồng	
	Năm 2022	Năm 2021
<b>1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	1.716.151.128.860	91.366.097.723
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	147.000.399.202	11.841.318.181
<b>Cộng</b>	<b>1.863.151.528.062</b>	<b>103.207.415.904</b>
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	925.520.832	
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	136.851.852	
<b>2 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	1.716.151.128.860	91.366.097.723
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	147.000.399.202	11.841.318.181
<b>Cộng</b>	<b>1.863.151.528.062</b>	<b>103.207.415.904</b>
<b>3 . Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
- Giá vốn bán hàng hóa	1.635.804.106.808	84.087.418.310
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	103.591.661.503	6.109.772.726
<b>Cộng</b>	<b>1.739.395.768.311</b>	<b>90.197.191.036</b>
<b>4 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	29.880.310	17.866.656
- Lãi do bán các khoản đầu tư	2.087.388.159	-
- Lãi phát sinh khi hợp nhất	7.007.376.035	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.409.759.107	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	8.866.013	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.011.040	-
<b>Cộng</b>	<b>11.546.280.664</b>	<b>17.866.656</b>
<b>5 . Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
- Lãi tiền vay	17.442.470.126	1.943.538.219
- Lỗ chênh lệch tỷ giá trong kỳ	18.356.690	375.594
- Chi phí tài chính khác	74.414.770	-
<b>Cộng</b>	<b>17.535.241.586</b>	<b>1.943.913.813</b>
<b>6 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
<b>a) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong năm</b>	<b>39.897.878.154</b>	<b>5.079.619.009</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	20.183.110.805	4.193.189.516
- Chi phí vật liệu quản lý, CCDC	225.886.586	337.438.716
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.228.423.322	-
- Thuế, phí, lệ phí	8.555.556	3.000.000
- Chi phí dự phòng	(1.460.403)	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.874.288.770	449.713.870
- Chi phí khác	5.802.515.179	96.276.907
- Lợi thế thương mại được phân bổ	576.558.339	-



b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	59.167.271.577	327.246.848
- Chi phí nhân viên	24.553.261.620	-
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	131.860.716
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.449.380.173	5.286.466
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.627.780.804	190.099.666
- Chi phí bán hàng khác	16.536.848.980	-
<b>7 . Thu nhập khác</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản	7.519.242	1.588.101.449
<i>Trong đó</i>		
- Thu thanh lý TSCĐ	957.272.727	-
- Giá trị còn lại của TSCĐ	949.753.485	-
- Thu thuần thanh lý	7.519.242	-
- Lãi do mua rẻ khi hợp nhất	7.959.130.043	-
- Thu nhập khác	209.688.101	-
<b>Cộng</b>	<b>8.176.337.386</b>	<b>1.588.101.449</b>
<b>8 . Chi phí khác</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
- Chi phí khác	643.262.050	950.637.113
<b>Cộng</b>	<b>643.262.050</b>	<b>950.637.113</b>
<b>9 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
Công ty Cổ phần G-Automobile	477.620.226	888.694.646
Công ty TNHH cho thuê ô tô An Hoà Phát.	94.008.110	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du	10.859.970.636	-
	<b>11.431.598.972</b>	<b>888.694.646</b>
<b>10 . Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông công ty mẹ	24.759.798.012	5.426.081.544
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	11.734.794	7.199.999
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.110</b>	<b>754</b>
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do năm 2022, công ty đã chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, số tiền: 11.999.990.000 đồng. Việc tính toán lại này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 904 đồng/cổ phiếu xuống 754 đồng/cổ phiếu. Cụ thể như sau:		
	<b>Số liệu báo cáo năm trước</b>	<b>Số liệu trình bày lại</b>
Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông Công ty mẹ	5.426.081.544	5.426.081.544
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	7.199.999
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>904</b>	<b>754</b>

9 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.477.530.307	2.821.644.799
Chi phí nhân công	47.995.979.334	26.606.944.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.646.090.284	1.780.555.774
Chi phí dự phòng	(1.460.403)	28.356.455.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.716.958.311	28.356.455.295
Chi phí khác bằng tiền	23.823.726.447	5.785.684.902
<b>Cộng</b>	<b>107.658.824.280</b>	<b>93.707.740.693</b>

## VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

### 2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 3 . Thông tin về các bên liên quan

#### 3.1 Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	Hà Nội	Công ty liên kết

#### 3.2 Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

TT Các bên liên quan	Năm 2022	Năm 2021
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội</b>		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	925.520.832	-
Thanh toán công nợ phải thu	763.560.000	-

#### 3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.



**3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:**

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc năm 2022:

Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	Chức vụ		Thu nhập
Bà Tổng Thị Thu Huyền	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/4/22	45.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tổng Giám đốc		742.000.000
Bà Đào Thị Như Thủy	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 15/4/2022	27.000.000
Ông Nguyễn Hải Châu	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 20/4/2022	6.000.000
Ông Nguyễn Trần Minh Quân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/4/2022	45.000.000
Ông Bùi Đức Toàn	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 15/4/2022	6.000.000
Bà Lê Thị Hương Giang	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 21/4/2022	33.000.000
Bà Đặng Thu Trang	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 15/4/2022	18.000.000
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 15/4/2022	24.000.000
Bà Đỗ Thị Xuân	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 15/4/2022	9.000.000
Bà Nguyễn Thị Chà	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 15/4/2022	6.000.000
<b>Cộng</b>			<b>961.000.000</b>

**4 . Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**5 . Thông tin so sánh**

Năm 2022 là năm đầu tiên Công ty G-Automobile lập báo cáo tài chính hợp nhất do các năm trước Công ty không có Công ty con. Số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022 và số liệu năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần G-Automobile đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

**6 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương



Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2023

Tổng Giám đốc

CỔ PHẦN

G-AUTOMOBILE

Nguyễn Thị Thanh Thủy

**CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE**

Số 11 Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Số dư tại 01/01/2022</b>	<b>60.000.000.000</b>	-	-	<b>18.452.063.870</b>	-	<b>78.452.063.870</b>
Tăng vốn trong năm nay	139.999.990.000	76.800.000.000	-	24.759.798.012	156.462.989.481	398.022.777.493
Lãi trong năm nay	-	-	-	24.759.798.012	1.899.748.362	26.659.546.374
Tăng vốn	139.999.990.000	76.800.000.000	-	-	154.563.241.119	216.799.990.000
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	(157.999.196)	154.563.241.119
Giảm vốn trong năm nay	-	(171.600.000)	-	(13.606.451.519)	(157.999.196)	(13.936.050.715)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	(11.999.990.000)	(157.999.196)	(11.999.990.000)
Giảm khác (*)	-	(171.600.000)	-	(1.606.461.519)	(157.999.196)	(1.936.060.715)
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>199.999.990.000</b>	<b>76.628.400.000</b>	-	<b>29.605.410.363</b>	<b>156.304.990.285</b>	<b>462.538.790.648</b>

(\*) Bao gồm:

**Chi tiêu**

- Phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh tại Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hoà Phát	Số tiền
	1.579.993.524
- Các khoản truy thu, phạt thuế tại công ty mẹ	184.467.191
<b>Cộng</b>	<b>1.764.460.715</b>

Trong đó:

- Phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	1.606.461.519
- Phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	157.999.196

